

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

DỰ KIẾN THỜI KHÓA BIỂU

Kỳ 1 năm học 2016-2017 Hệ Chính quy

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1070119	Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	MUS2010	2	200												1*MUS2010_2014		
01	1070119				50		1-5, D204							15/08/2016	23/10/2016				2013
02	1070119				50			7-11, D304						15/08/2016	23/10/2016				2013
03	1070119				50					1-5, D2				15/08/2016	23/10/2016				2013
04	1070119				50						7-11, D304			15/08/2016	23/10/2016				2013
	1090041	Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	MUS2010	2													MUS2010		
01	1090041				0									16/12/2016	18/12/2016	VD AN			2015
02	1090041				0									24/12/2016	08/01/2017	TC CD SON TAY			2016
03	1090041				0									04/07/2016	06/07/2016	TC CD AN Nghe an			2016
	1090057	Âm nhạc mới Việt Nam	MUS2007	2													MUS2007		
01	1090057				0									11/03/2017	02/04/2017	Vạn Đình			2016
	1060045	Bổ cục chất liệu Khắc gỗ	FAE2008	2	48												4*FAE2008		
01	1060045				16	Lưu Thị Hồng Diễm				1-5, B201	1-5, B201	1-5, B201		17/10/2016	04/12/2016				2015
02	1060045				16	Nguyễn Quang Huy				1-5, B202	1-5, B202	1-5, B202		17/10/2016	04/12/2016				2015
03	1060045				16	Nguyễn Thị Huyền				1-5, B205	1-5, B205	1-5, B205		17/10/2016	04/12/2016				2015
04	1060045				0	Lưu Thị Hồng Diễm				7-11, B	7-11, B	7-11, B		05/09/2016	30/10/2016	K8 LT			2016
	1060043	Bổ cục chất liệu Sơn dầu 1	FAE2006	2	160												4*FAE2006		
01	1060043				16	Nguyễn Huy Trung	1-5, B203	1-5, B203	1-5, B203					17/10/2016	04/12/2016				2014
02	1060043				16	Nguyễn Thị Huyền	1-5, B204	1-5, B204	1-5, B204					17/10/2016	04/12/2016				2014
03	1060043				16	Nguyễn Quang Huy	7-11, B203	7-11, B203	7-11, B203					17/10/2016	04/12/2016				2014
04	1060043				16	Nguyễn Thị Hà Hoa	7-11, B204	7-11, B204	7-11, B204					17/10/2016	04/12/2016				2014
05	1060043				16	Nguyễn Huy Trung				1-5, B203	1-5, B203	1-5, B203		17/10/2016	04/12/2016				2014
06	1060043				16	Lê Thị Kim Liên				1-5, B204	1-5, B204	1-5, B204		17/10/2016	04/12/2016				2014
07	1060043				16	Chu Hoàng Trung				1-5, B205	1-5, B205	1-5, B205		17/10/2016	04/12/2016				2014
08	1060043				16	Vũ Thị Kim Vân	7-11, B206	7-11, B206	7-11, B206					17/10/2016	04/12/2016	K3HH			2014
09	1060043				16	Lưu Thị Hồng Diễm	1-5, C204	1-5, C204	1-5, C204					17/10/2016	04/12/2016	K1MN			2014
10	1060043				16	Tạ Đình Thi	1-5, C204	1-5, C204	1-5, C204					17/10/2016	04/12/2016	K1MN			2014
	1060046	Bổ cục chất liệu Sơn mài 1	FAE2009	2	32												4* FAE2009		
01	1060046				16	Nguyễn Quang Hải				1-5, C107	1-5, C107	1-5, C107		19/09/2016	08/11/2015	LT K7			2015
02	1060046				16	Vũ Thị Kim Vân				1-5, C104	1-5, C104	1-5, C104		19/09/2016	08/11/2015	LT K7			2015
	1090030	Bổ cục chất liệu Sơn mài 1	FAE2009	2													FAE2009		
01	1090030				0														2015
	1060047	Bổ cục chất liệu tự chọn	FAE2010	3	112												5*FAE2010		
01	1060047				16	Nguyễn Quang Hải	7-11, B103	7-11, B103	7-11, B103					19/09/2016	08/01/2017				2013
02	1060047				16	Chu Hoàng Trung	7-11, B104	7-11, B104	7-11, B104					19/09/2016	08/01/2017				2013
03	1060047				16	Chu Hoàng Trung	1-5, B103	1-5, B103	1-5, B103					19/09/2016	08/01/2017				2013
04	1060047				16	Tạ Đình Thi	1-5, B104	1-5, B104	1-5, B104					19/09/2016	08/01/2017				2013
05	1060047				16	Tạ Đình Thi				7-11, B103	7-11, B103	7-11, B103		19/09/2016	08/01/2017				2013
06	1060047				16	Chu Hoàng Trung				7-11, B104	7-11, B104	7-11, B104		19/09/2016	08/01/2017				2013

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
07	1060047				16	Vũ Thị Kim Vân				7-11, B106	7-11, B106	7-11, B106		19/09/2016	08/01/2017				2013
	1110009	Bố cục cơ bản	BFA2019	2													1* SPMT		
01	1110009				0	Trần Thị Vân				1-5, C22	1-5, C22	1-5, C22		31/10/2016	25/12/2016	K11+K3 MN			2016
02	1110009				0	Lê Mai Trinh				1-5, C22	1-5, C22	1-5, C22		31/10/2016	25/12/2016	K11+K3 MN			2016
03	1110009				0	Ngô Thị Thu Hà				1-5, C105	1-5, C105	1-5, C105		31/10/2016	25/12/2016	K11+K3 MN			2016
	1080045	Các ngành công nghiệp văn hóa	CLM2046	2	130												5_QLVH_M4_TC		
01	1080045				65				1-5, E403					15/08/2016	23/10/2016				2014
02	1080045				65							7-11, E403		15/08/2016	23/10/2016				2014
	1080030	Các tộc người ở Việt Nam	CLM2031	2													6_QLVH_M4		
03	1080030				0	Nguyễn Thị Thanh Loan							7-11, L.rieng			Lop rieng			2013
04	1080030				0											Lop rieng			2015
	1080031	Các vùng văn hóa ở Việt Nam	CLM2032	2	70												3_QLVH_M4		
01	1080031				70					1-5, E501				15/08/2016	23/10/2016				2015
02	1080031				0											Lop rieng			2015
	1090035	Chất liệu tổng hợp	FAE2015	2													FAE2015		
01	1090035				0	.								27/05/2016	29/05/2016	TC MT Nghe an			2016
	1070075	Chỉ huy A	MUS2028*	0	276												MUS2028		
01	1070075				23		1-5, D3							15/08/2016					2015
02	1070075				23		1-5, D3							15/08/2016					2015
03	1070075				23			1-5, D3						15/08/2016					2015
04	1070075				23			1-5, D3						15/08/2016					2015
05	1070075				23				1-5, D3					15/08/2016					2015
06	1070075				23				1-5, D3					15/08/2016					2015
07	1070075				23	Phạm Hoàng Trung			7-11, D3					15/08/2016					2015
08	1070075				23	Phạm Hoàng Trung			7-11, D3					15/08/2016					2015
09	1070075				23					1-5, D3				15/08/2016					2015
10	1070075				23					1-5, D3				15/08/2016					2015
11	1070075				23							1-5, D3		15/08/2016					2015
12	1070075				23							1-5, D3		15/08/2016					2015
13	1070075				0	Phạm Hoàng Trung		13-17, D						29/08/2016					2015
14	1070075				0	Lê Vinh Hung				13-17, D				29/08/2016					2015
	1080017	Chính sách pháp luật về VHNT Việt Nam	CLM2014	2	50												1_QLVH_M3_TC		
01	1080017				50	Nguyễn Thị Thanh Thùy		7-11, E405						05/09/2016					2016
	1170009	Chữ cơ bản	GRD2003	2	248												3_TKDH_M3		
01	1170009				62			1-5, E603						15/08/2016	23/10/2016				2015
02	1170009				62			7-11, E603						15/08/2016	23/10/2016				2015
03	1170009				62						1-5, E603			15/08/2016	23/10/2016				2015
04	1170009				62						7-11, E603			15/08/2016	23/10/2016				2015
	1190029	Chuyên đề 1	PIA2019	2	24														
01	1190029				24								1-2, CD1						2015
	1110051	Cơ sở tạo hình	BFA2022	2	80												1* SPMT /CD		
01	1110051				40			1-5, E503						15/08/2016	09/10/2016				2015
02	1110051				40				1-5, E503					15/08/2016	09/10/2016				2015
	1090069	Cơ sở tạo hình	BFA2022	2													BFA2022		
01	1090069				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Yen bai			2015

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1090069				0	.										CD TC MT Nghe an			2015
	1020020	Cơ sở tạo hình (Mặt phẳng và khối)	FAD2003	2	180														
01	1020020				45	Nguyễn Hải Hà	1-5, A204							05/09/2016	06/11/2016				2015
02	1020020				45	Vũ Thanh Nghị	7-11, A204							05/09/2016	06/11/2016				2015
03	1020020				45	Nguyễn Hải Hà				1-5, A204				05/09/2016	06/11/2016				2015
04	1020020				45	Vũ Thanh Nghị				7-11, A204				05/09/2016	06/11/2016				2015
	1170010	Cơ sở tạo khối không gian	GRD2005	2	248												Cơ sở tạo hình 2		
01	1170010				62			1-5, E601						15/08/2016	13/11/2016				2015
02	1170010				62			7-11, E601						15/08/2016	13/11/2016				2015
03	1170010				62					1-5, E601				15/08/2016	13/11/2016				2015
04	1170010				62					7-11, E601				15/08/2016	13/11/2016				2015
	1080147	Cơ sở thiết kế trang phục	FAD2015	2	171												5_TKTT_M3_TC		
01	1080147				19	Nguyễn Huyền Trang			7-11, A204					15/08/2016	09/10/2016				2014
02	1080147				19	Đỗ Thu Huyền			7-11, A204					15/08/2016	09/10/2016				2014
03	1080147				19	Lưu Ngọc Lan			1-5, A204					15/08/2016	09/10/2016				2014
04	1080147				19	Vũ Mai Hiền			1-5, A204					15/08/2016	09/10/2016				2014
06	1080147				19	Lưu Ngọc Lan				1-5, XM				15/08/2016	09/10/2016				2014
08	1080147				19	Đinh Thị Thu Hà					7-11, A203			15/08/2016	09/10/2016				2014
09	1080147				19	Vũ Mai Hiền				7-11, A203				15/08/2016	09/10/2016				2014
10	1080147				19	Nguyễn Bích Nhung					1-5, A203			15/08/2016	09/10/2016				2014
11	1080147				19						1-5, A203			15/08/2016	09/10/2016				2014
	1090008	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CLM2001	3													CLM2001		
01	1090008				0	.								11/11/2016	27/11/2016	Van Dinh			2015
03	1090008				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Da nang 15			2015
04	1090008				0														2015
	1080001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CLM2001	3	390												Dung chung		
01	1080001				65			7-11, E403						15/08/2016	06/11/2016				2015
02	1080001				65				1-5, E405					15/08/2016	06/11/2016				2015
03	1080001				65				7-11, E405					15/08/2016	06/11/2016				2015
04	1080001				65					7-11, E405				15/08/2016	06/11/2016				2015
05	1080001				65						1-5, E405			15/08/2016	06/11/2016				2015
06	1080001				65							1-5, E405		15/08/2016	06/11/2016				2015
	1140026	Con người và môi trường	PPE2016	2	30												1*		
01	1140026				30	Nguyễn Thị Tuyết Nhung				1-5, E401				15/08/2016	09/10/2016				2014
	1080005	Công nghệ may 2	FAD2010	2													4_TKTT		
01	1080005				0	Lưu Ngọc Lan							7-11, lop riêng			Lop riêng			2013
	1090111	Đại cương các loại hình nghệ thuật 1	CLM2061	2													CLM2061		
01	1090111				0	.										QLVH BACKAN			2016
	1080052	Đại cương các loại hình NT 1 (Múa+ Âm nhạc)	CLM2008	3	130												5_QLVH_M3		
01	1080052				65				1-5, E501					15/08/2016	06/11/2016				2014
02	1080052				65						1-5, E501			15/08/2016	06/11/2016				2014
	1080011	Đại cương các loại hình NT 2 (Sân khấu + Mỹ thuật)	CLM2009	3	130												5_QLVH_M3		
01	1080011				65					7-11, E501				15/08/2016	06/11/2016				2014
02	1080011				65							1-5, E403		15/08/2016	06/11/2016				2014

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1070077	Dàn dựng tổng hợp A	MUS2029*	0	160												5* 6* MUS2029		
01	1070077				40		7-11, PHN							15/08/2016					2013
02	1070077				40	Phạm Xuân Danh						7-11, PHN		15/08/2016					2013
04	1070077				40				7-11, PHN					15/08/2016					2013
06	1070077				40					7-11, PHN				15/08/2016					2013
	1100092	Đệm đàn	IMU2004	2	235														
01	1100092				25	Đặng Thái Sơn		10-11, C410						15/08/2016	04/12/2016				2013
02	1100092				25	Vũ Ngọc Sơn			10-11, C410					15/08/2016	04/12/2016				2013
03	1100092				25	Vũ Thanh Xuân					13-17, C411			15/08/2016	04/12/2016				2013
05	1100092				25	Vũ Thanh Xuân				10-11, C412				15/08/2016	04/12/2016				2013
06	1100092				25	Vũ Ngọc Sơn					5-6, C411			15/08/2016	04/12/2016				2013
07	1100092				25	Lương Diệu Ánh					5-6, C410			15/08/2016	04/12/2016				2013
08	1100092				25	Vũ Thanh Xuân					5-6, C308			15/08/2016	04/12/2016				2013
09	1100092				25	Trần Quốc Thùy					10-11, C411			15/08/2016	04/12/2016				2013
10	1100092				25	Đào văn Kiên					13-15, C308			15/08/2016	04/12/2016				2013
11	1100092				10	Phạm Hồng Phương				10-11, VPK				15/08/2016	04/12/2016				2013
	1190009	Đệm thanh nhạc 1.1	PIA2007	1	21														
01	1190009				2	Đinh Công Hải				9-11, D201				05/09/2016					2016
02	1190009				3	Lại Thị Phương Thảo					9-11, D207			05/09/2016					2016
03	1190009				3	Hà Cẩm Vân				9-11, D205				05/09/2016					2016
04	1190009				3	Lê Hải Thuận				3-5, D4				05/09/2016					2016
05	1190009				3	Lê Nam				9-11, D207				05/09/2016					2016
06	1190009				3	Nguyễn Ngọc Anh				3-5, D205				05/09/2016					2016
07	1190009				3	Nghiêm Thị Hà Ngân				9-11, C309				05/09/2016					2016
08	1190009				1	Bùi Đăng Khánh				3-5, D202				05/09/2016					2016
	1190011	Đệm thanh nhạc 2.1	PIA2008	1	24														
01	1190011				3	Lê Hải Thuận				9-10, D201				15/08/2016	20/11/2016				2015
02	1190011				3	Trần Quốc Thùy			9-10, D207					15/08/2016	20/11/2016				2015
03	1190011				3	Trần Quốc Thùy				9-10, C309				15/08/2016	20/11/2016				2015
04	1190011				3	Trần Quốc Thùy				3-4, D4				15/08/2016	20/11/2016				2015
05	1190011				3	Lê Hải Thuận				9-10, D201				15/08/2016	20/11/2016				2015
06	1190011				3	Trần Quốc Thùy				9-10, C309				15/08/2016	20/11/2016				2015
07	1190011				3	Bùi Đăng Khánh				9-10, D4				15/08/2016	20/11/2016				2015
08	1190011				3	Bùi Đăng Khánh				9-10, D4				15/08/2016	20/11/2016				2015
	1110010	Điều khắc	BFA2020	2	68												1* 3_SPMT_M4		
01	1110010				17	Nguyễn Minh Thùy				7-11, B	7-11, B	7-11, B		10/10/2016	04/12/2016	K10MKNK46			2015
02	1110010				17	Nguyễn Minh Thùy				7-11, B	7-11, B	7-11, B		10/10/2016	04/12/2016	K10MKNK46			2015
03	1110010				17					7-11, B	7-11, B	7-11, B		15/08/2016	09/10/2016	K10MKNK46			2015
04	1110010				17					7-11, B	7-11, B	7-11, B		15/08/2016	09/10/2016	K10MKNK46			2015
	1020010	Đồ án tổng hợp tiên tốt nghiệp	FAD2030	2	126														
01	1020010				13	Hoàng Thị Oanh							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
02	1020010				13	Ng.Thị Minh Ngọc							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
03	1020010				13	Lưu Ngọc Lan							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
04	1020010				13	Ng.Thị Bích Liên							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
05	1020010				10	Ng.Triều Dương							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
06	1020010				10	Nguyễn Bích Nhung							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
07	1020010				10	Lê Thị Hồng Quyên							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
08	1020010				10	Lê Phương Anh							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
09	1020010				10	Lê Nguyễn Kiều Trang							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
10	1020010				5	Nguyễn Việt Dũng							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
11	1020010				5	Vũ Mai Hiền							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
12	1020010				5	Nguyễn Minh Nguyệt							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
13	1020010				5	Ngô Thị Thủy Thu							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
14	1020010				4	Bùi Linh Chi							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
15	1020010				0	Nguyễn Trí Dũng							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
16	1020010				0	Trần Thủy Bình							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
17	1020010				0	Lê Thị Minh Ngọc							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
18	1020010				0	Nguyễn Thị Lệ							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
19	1020010				0	Phạm Thị Mai Hoa							13-17, DA	15/08/2016	04/12/2016	K7 TKTT			2013
	1170023	Đồ họa ảnh	GRD2018	2	292												5_TKDH_M4		
01	1170023				73				1-5, E603					15/08/2016	09/10/2016				2014
02	1170023				73				7-11, E603					15/08/2016	09/10/2016				2014
03	1170023				73							1-5, E603		15/08/2016	09/10/2016				2014
04	1170023				73							7-11, E603		15/08/2016	09/10/2016				2014
	1020032	Đồ họa thời trang 1	FAD2031	2	188														
01	1020032				20	Nguyễn Việt Dũng		1-5, A203						15/08/2016	13/11/2016				2015
02	1020032				20	Trần Thanh Nga			1-5, A203					15/08/2016	13/11/2016				2015
03	1020032				20	Nguyễn Hoàng Tùng				1-5, A203				15/08/2016	13/11/2016				2015
04	1020032				20	Ng. Thị Bích Liên						1-5, E505		15/08/2016	13/11/2016				2015
05	1020032				18	Trần Việt Hùng						1-5, E505		15/08/2016	13/11/2016				2015
06	1020032				18	Hoàng Thắng		7-11, A203						15/08/2016	13/11/2016				2015
07	1020032				18	Tô Kim Nhung			7-11, A203					15/08/2016	13/11/2016				2015
08	1020032				18	Nguyễn Hải Hà					7-11, A204			15/08/2016	13/11/2016				2015
09	1020032				18	Đỗ Thu Huyền						7-11, A303		15/08/2016	13/11/2016				2015
10	1020032				18	Nguyễn Hải Hà						7-11, A303		15/08/2016	13/11/2016				2015
	1080163	Đồ họa thời trang 2	FAD2032	3	171												3_TKTT_M4_TC		
02	1080163				19	Nguyễn Hoàng Tùng	1-5, E506							05/09/2016	13/11/2016				2014
03	1080163				19	Nguyễn Việt Dũng	7-11, A203							05/09/2016	13/11/2016				2014
04	1080163				19	Nguyễn Hoàng Tùng	7-11, A203							05/09/2016	13/11/2016				2014
05	1080163				19	Trần Thanh Nga	7-11, A203							05/09/2016	13/11/2016				2014
06	1080163				19	Trần Thanh Nga						1-5, A204		05/09/2016	13/11/2016				2014
07	1080163				19	Đỗ Thu Huyền						1-5, A204		05/09/2016	13/11/2016				2014
08	1080163				19	Hoàng Thị Oanh						7-11, A204		05/09/2016	13/11/2016				2014
09	1080163				19	Trần Việt Hùng						7-11, A204		05/09/2016	13/11/2016				2014
10	1080163				19	Nguyễn Hoàng Tùng						7-11, A204		05/09/2016	13/11/2016				2014
	1130004	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	POL2004	3													4* 4_mon_chung_M1		
01	1130004				0	Phạm Ngọc Anh							1-5, Lop Rieng			Lop cap toc			2013
11	1130004				0	Mai Thanh Hồng							1-5, Lop Rieng			Lop rieng			2013
	1090021	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	POL2004	3													POL2004		
01	1090021				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Da nang 15			2015
02	1090021				0														2015
	1080012	Đường lối VHVN của ĐCS Việt Nam	CLM2010	2	50												2_QLVH_M3		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1080012				50	Nguyễn Hữu Thức					1-5, E403			15/08/2016					2014
03	1080012				0											Lop riêng			2015
	1110030	Giải phẫu tạo hình	BFA2008	2	200												1* MTCS_K1_TK DH		
01	1110030				50	Chu Thị Hương Thu		1-5, E505						05/09/2016	13/11/2016				2016
02	1110030				50	Chu Thị Hương Thu						1-5, E401		05/09/2016	13/11/2016				2016
03	1110030				50	Chu Thị Hương Thu			7-11, E503					05/09/2016	13/11/2016				2016
04	1110030				50	Chu Thị Hương Thu					1-5, E402			05/09/2016	13/11/2016				2016
	1090009	Giải phẫu tạo hình	BFA2008	2													BFA2008		
01	1090009				0									01/06/2016	03/06/2016	TC MT Nghe an			2016
	1140007	Giáo dục học	PPE2002	4	300												2* Tam_ly giao duc		
01	1140007				75	Nguyễn Thị Duyên	7-11, E507							15/08/2016	04/12/2016				2015
02	1140007				75	Nguyễn Thị Tuyết Nhung		1-5, E605						15/08/2016	04/12/2016				2015
03	1140007				75	Nguyễn Thị Tuyết Nhung						1-5, E507		15/08/2016	04/12/2016				2015
04	1140007				75	Nguyễn Thị Tuyết Nhung						7-11, E507		15/08/2016	04/12/2016				2015
	1140002	Giáo dục thể chất 1	PPE2010	0	650												1*1_mon_chun g_M1		
01	1140002				65	Phạm Thị Huyền Trang	7-11, SVD							05/09/2016	20/11/2016				2016
02	1140002				65	Bùi Thị Huyền		1-5, SVD						05/09/2016	20/11/2016				2016
03	1140002				65	Phạm Minh Tuấn		7-11, SVD						05/09/2016	20/11/2016				2016
04	1140002				65	Bùi Thị Ánh Tuyết			1-5, SVD					05/09/2016	20/11/2016				2016
05	1140002				65	Phạm Thị Huyền Trang			1-5, SVD					05/09/2016	20/11/2016				2016
06	1140002				65	Bùi Thị Huyền				7-11, SVD				05/09/2016	20/11/2016				2016
07	1140002				65	Phạm Thị Huyền Trang					1-5, SVD			05/09/2016	20/11/2016				2016
08	1140002				65	Lê Việt Hùng					7-11, SVD			05/09/2016	20/11/2016				2016
09	1140002				65	Lê Việt Hùng						1-5, SVD		05/09/2016	20/11/2016				2016
10	1140002				65	Nguyễn Minh Trâm						1-5, SVD		05/09/2016	20/11/2016				2016
11	1140002				0	Nguyễn Minh Trâm							7-11, Lop riêng			Lop riêng			2013
	1140003	Giáo dục thể chất 2	PPE2011	0	60												2*2_mon_chun g_M1		
01	1140003				60	Nguyễn Minh Trâm					7-11, Cau long			15/08/2016	04/12/2016				2015
12	1140003				0	Lê Việt Hùng							7-11, Lop riêng			Lop riêng			2013
	1070051	Giới thiệu nhạc cụ	MUS2030	2	360												1*MUS2030		
02	1070051				45				1-5, D204					15/08/2016	23/10/2016				2013
03	1070051				45	Lại Hồng Phong		13-17, D						15/08/2016	23/10/2016				2013
06	1070051				45	Nguyễn Thị Lệ Huyền		1-5, D305						05/09/2016					2016
07	1070051				45	Nguyễn Đức Linh			7-11, D304					05/09/2016					2016
08	1070051				45	Lại Hồng Phong				1-5, D204				05/09/2016					2016
09	1070051				45	Nguyễn Đức Linh				7-11, D304				05/09/2016					2016
11	1070051				45	Nguyễn Thị Lệ Huyền					1-5, D305			05/09/2016					2016
12	1070051				45	Nguyễn Thị Lệ Huyền					7-11, D2			05/09/2016					2016
	1090019	Giới thiệu nhạc cụ	MUS2030	2													MUS2030		
01	1090019				0									20/05/2016	22/05/2016	TC AN Nghe an			2016
	1090033	Hát hợp xướng	*MUS2027	3													*MUS2027		
01	1090033				0									12/06/2016	15/06/2016	TC AN Nghe an			2016
	1110040	Hình họa 1	BFA2013	2	352												1* Dùng chung		

01	1110040				16	Ngô Văn Sơn				7-11, D	7-11, D	7-11, D		05/09/2016	20/10/2016	K11+K3			2016
----	---------	--	--	--	----	-------------	--	--	--	---------	---------	---------	--	------------	------------	--------	--	--	------

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1110040				16	Ngô Văn Sơn				7-11, B	7-11, B	7-11, B		05/09/2016	30/10/2016	MN			2016
02	1110040				16	Ngô Văn Sơn				7-11, B	7-11, B	7-11, B		05/09/2016	30/10/2016	K11+K3 MN			2016
03	1110040				16	Trần Thanh Tùng				7-11, B	7-11, B	7-11, B		05/09/2016	30/10/2016	K11+K3 MN			2016
05	1110040				16	Nguyễn Thị Giang	7-9, B	7-9, B	7-9, B					05/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
06	1110040				16	Nguyễn Thị Giang	7-9, B	7-9, B	7-9, B					05/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
07	1110040				16	Trương Tuấn Anh	7-9, B	7-9, B	7-9, B					05/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
09	1110040				16	Nguyễn Thị Giang	9-11, B	9-11, B	9-11, B					12/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
10	1110040				16	Nguyễn Mai Thơ	9-11, B	9-11, B	9-11, B					12/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
11	1110040				16	Nguyễn Mai Thơ	9-11, B	9-11, B	9-11, B					12/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
13	1110040				16	Nguyễn Đỗ Long				7-9, B	7-9, B	7-9, B		05/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
14	1110040				16	Nguyễn Đỗ Long				7-9, B	7-9, B	7-9, B		05/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
15	1110040				16	Nguyễn Thị My				7-9, B	7-9, B	7-9, B		05/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
16	1110040				16	Nguyễn Thị My				7-9, B	7-9, B	7-9, B		05/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
17	1110040				16	Trần Thanh Tùng				9-11, B	9-11, B	9-11, B		12/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
18	1110040				16	Bùi Thị Nam				9-11, B	9-11, B	9-11, B		12/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
19	1110040				16	Trương Tuấn Anh				9-11, B	9-11, B	9-11, B		12/09/2016	25/12/2016	K8 TKDH			2016
21	1110040				16	Nguyễn Minh Thùy	7-11, B	7-11, B	7-11, B					31/10/2016	25/12/2016	K10TKT T			2016
22	1110040				16	Phan Văn Hùng	7-11, B	7-11, B	7-11, B					31/10/2016	25/12/2016	K10TKT T			2016
23	1110040				16	Phan Văn Hùng	7-11, B	7-11, B	7-11, B					31/10/2016	25/12/2016	K10TKT T			2016
27	1110040				16	Phan Văn Hùng				1-5, B	1-5, B	1-5, B		31/10/2016	25/12/2016	K10TKT T			2016
28	1110040				16	Phan Văn Hùng				1-5, B	1-5, B	1-5, B		31/10/2016	25/12/2016	K10TKT T			2016
29	1110040				16	Phạm Viết Minh Tri				1-5, B	1-5, B	1-5, B		31/10/2016	25/12/2016	K10TKT T			2016
	1110011	Hình họa 3	BFA2015	2	478												3* MTCS_ky3_SP MT		
01	1110011				17	Đinh Tiến Hiếu				7-11, B	7-11, B	7-11, B		15/08/2016	09/10/2016	K10MKNK 46			2015
02	1110011				17	Đinh Tiến Hiếu				7-11, B	7-11, B	7-11, B		15/08/2016	09/10/2016	K10MKNK 46			2015
03	1110011				17	Nguyễn Thành Việt				7-11, B	7-11, B	7-11, B		10/10/2016	04/12/2016	K10MKNK 46			2015
04	1110011				17	Nguyễn Thành Việt				7-11, B	7-11, B	7-11, B		10/10/2016	04/12/2016	K10MKNK 46			2015
05	1110011				16	Trương Tuấn Anh	1-2, B	1-2, B	1-2, B					15/08/2016	04/12/2016	K7TKĐH			2015
06	1110011				16	Trương Tuấn Anh	1-2, B	1-2, B	1-2, B					15/08/2016	04/12/2016	K7TKĐH			2015
07	1110011				16	Nguyễn Mai Thơ	1-2, B	1-2, B	1-2, B					15/08/2016	04/12/2016	K7TKĐH			2015
08	1110011				16	Nguyễn Mai Thơ	1-2, B	1-2, B	1-2, B					15/08/2016	04/12/2016	K7TKĐH			2015
10	1110011				16	Đinh Tiến Hiếu	1-2, B	1-2, B	1-2, B					22/08/2016	11/12/2016	K7TKĐH			2015
11	1110011				16	Nguyễn Đỗ Long	1-2, B	1-2, B	1-2, B					22/08/2016	11/12/2016	K7TKĐH			2015
12	1110011				16	Nguyễn Đỗ Long	1-2, B	1-2, B	1-2, B					22/08/2016	11/12/2016	K7TKĐH			2015

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
13	1110011				16	Bùi Thị Nam				1-2, B	1-2, B	1-2, B		15/08/2016	04/12/2016	K7TKĐH			2015
14	1110011				16	Bùi Thị Nam				1-2, B	1-2, B	1-2, B		15/08/2016	04/12/2016	K7TKĐH			2015
15	1110011				16	Nguyễn Văn Đức				1-2, B	1-2, B	1-2, B		15/08/2016	04/12/2016	K7TKĐH			2015
16	1110011				16	Nguyễn Văn Đức				1-2, B	1-2, B	1-2, B		15/08/2016	04/12/2016	K7TKĐH			2015
17	1110011				16	Nguyễn Đỗ Long				1-2, B	1-2, B	1-2, B		22/08/2016	11/12/2016	K7TKĐH			2015
18	1110011				16	Nguyễn Đỗ Long				1-2, B	1-2, B	1-2, B		22/08/2016	11/12/2016	K7TKĐH			2015
19	1110011				16	Trần Thanh Tùng				1-2, B	1-2, B	1-2, B		22/08/2016	11/12/2016	K7TKĐH			2015
20	1110011				16	Trần Thanh Tùng				1-2, B	1-2, B	1-2, B		22/08/2016	11/12/2016	K7TKĐH			2015
23	1110011				17	Nguyễn Đỗ Long	1-5, B	1-5, B	1-5, B					15/08/2016	09/10/2016	K9TKTT			2015
24	1110011				17	Nguyễn Thị Mỹ	7-11, B	7-11, B	7-11, B					15/08/2016	09/10/2016	K9TKTT			2015
25	1110011				17	Nguyễn Thị Mỹ	7-11, B	7-11, B	7-11, B					15/08/2016	09/10/2016	K9TKTT			2015
26	1110011				17	Nguyễn Mai Thơ	7-11, B	7-11, B	7-11, B					15/08/2016	09/10/2016	K9TKTT			2015
27	1110011				17	Ngô Văn Sơn				1-5, B	1-5, B	1-5, B		15/08/2016	09/10/2016	K9TKTT			2015
28	1110011				17	Ngô Văn Sơn				1-5, B	1-5, B	1-5, B		15/08/2016	09/10/2016	K9TKTT			2015
29	1110011				17	Nguyễn Hải Kiên				1-5, B	1-5, B	1-5, B		15/08/2016	09/10/2016	K9TKTT			2015
30	1110011				17	Phạm Viết Minh Trí				7-11, B	7-11, B	7-11, B		15/08/2016	09/10/2016	K9TKTT			2015
31	1110011				17	Phạm Viết Minh Trí				7-11, B	7-11, B	7-11, B		15/08/2016	09/10/2016	K9TKTT			2015
32	1110011				17	Nguyễn Hải Kiên				7-11, B	7-11, B	7-11, B		15/08/2016	09/10/2016	K9TKTT			2015
	1090004	Hình họa 3	BFA2015	2													BFA2015		
01	1090004				0	.								20/05/2016	22/05/2016	TC MT Nghe an			2016
	1090046	Hình họa 4	BFA2016	2													BFA2016		
01	1090046				0	.								04/06/2016	07/06/2016	TC MT Nghe an			2016
	1060035	Hình họa 5	FAE2001	2	128												5* FAE2001		
01	1060035				16	Nguyễn Quang Minh	1-5, B203	1-5, B203	1-5, B203					22/08/2016	16/10/2016				2014
02	1060035				16	Nguyễn Tú Anh	1-5, B204	1-5, B204	1-5, B204					22/08/2016	16/10/2016				2014
03	1060035				16	Nguyễn Thị May	7-11, B203	7-11, B203	7-11, B203					22/08/2016	16/10/2016				2014
04	1060035				16	Nguyễn Hoàng Tùng	7-11, B204	7-11, B204	7-11, B204					22/08/2016	16/10/2016				2014
05	1060035				16	Nguyễn Văn Cường chuyen mtes				7-11, B203	7-11, B203	7-11, B203		22/08/2016	16/10/2016				2014
06	1060035				16	Hoàng Đức Dũng				7-11, B204	7-11, B204	7-11, B204		22/08/2016	16/10/2016				2014
07	1060035				16	Nguyễn Huy Trung				7-11, B3	7-11, B3	7-11, B3		22/08/2016	16/10/2016				2014
08	1060035				16	Lê Thị Kim Liên	1-5, B206	1-5, B206	1-5, B206					22/08/2016	16/10/2016	K3HH			2014
09	1060035				0	Nguyễn Tú Anh				1-5, B	1-5, B	1-5, B		05/09/2016	30/10/2016	K8 LT			2016
	1090016	Hình họa 5	FAE2001	2													FAE2001		
02	1090016				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Yen bai			2015
	1090025	Hình họa 6	FAE2002	2													FAE2002		
01	1090025				0	.								16/12/2016	08/01/2017	VD MT			2015
03	1090025				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Yen bai			2015
	1060037	Hình họa 7	FAE2003	3	144												7* FAE2003		
01	1060037				16	Nguyễn Quang Hải	1-5, B1	1-5, B1	1-5, B1					19/09/2016	08/01/2017				2013
02	1060037				16	Nguyễn Văn Cường chuyen mtes	1-5, B2	1-5, B2	1-5, B2					19/09/2016	08/01/2017				2013
03	1060037				16	Hoàng Đức Dũng	7-11, B1	7-11, B1	7-11, B1					19/09/2016	08/01/2017				2013
04	1060037				16	Lê Thị Kim Liên	7-11, B2	7-11, B2	7-11, B2					19/09/2016	08/01/2017				2013
05	1060037				16	Nguyễn Tú Anh				1-5, B1	1-5, B1	1-5, B1		19/09/2016	08/01/2017				2013
06	1060037				16	Nguyễn Quang Minh				1-5, B2	1-5, B2	1-5, B2		19/09/2016	08/01/2017				2013
07	1060037				16	Hoàng Đức Dũng				1-5, B3	1-5, B3	1-5, B3		19/09/2016	08/01/2017				2013
08	1060037				16	Nguyễn Thị May				7-11, B1	7-11, B1	7-11, B1		19/09/2016	08/11/2015	LT K7			2015

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
09	1060037				16	Nguyễn Hoàng Tùng				7-11, B2	7-11, B2	7-11, B2		19/09/2016	08/11/2015	LT K7			2015
	1090067	Hình họa 7	FAE2003	3													FAE2003		
01	1090067				0														2015
	1080153	Hình họa chuyên ngành 1	FAD2020	2	171												5_TKTT_M4		
01	1080153				19	Vũ Thanh Nghị	1-5, C401	1-5, C401	1-5, C401					05/09/2016	09/10/2016				2014
02	1080153				19	Trần Thị Liên	1-5, C402	1-5, C402	1-5, C402					05/09/2016	09/10/2016				2014
03	1080153				19	Tô Kim Nhung	1-5, C403	1-5, C403	1-5, C403					05/09/2016	09/10/2016				2014
05	1080153				19	Mai Thị Diệp	7-11, C403	7-11, C403	7-11, C403					05/09/2016	09/10/2016				2014
06	1080153				19	Vũ Thanh Nghị				1-5, C401	1-5, C401	1-5, C401		05/09/2016	09/10/2016				2014
07	1080153				19	Hoàng Thắng				1-5, C403	1-5, C403	1-5, C403		05/09/2016	09/10/2016				2014
08	1080153				19	Lê Thị Lan				7-11, C401	7-11, C401	7-11, C401		05/09/2016	09/10/2016				2014
09	1080153				19	Tô Kim Nhung				7-11, C402	7-11, C402	7-11, C402		05/09/2016	09/10/2016				2014
10	1080153				19	Mai Thị Diệp				7-11, C403	7-11, C403	7-11, C403		05/09/2016	09/10/2016				2014
	1170013	Hình họa chuyên ngành 1	GRD2008	4	272												5_TKDH_M3		
01	1170013				17		1-2, A	1-2, A	1-2, A					22/08/2016	23/10/2016				2014
02	1170013				17		1-2, A	1-2, A	1-2, A					22/08/2016	23/10/2016				2014
03	1170013				17		1-2, A	1-2, A	1-2, A					22/08/2016	23/10/2016				2014
04	1170013				17		1-2, A	1-2, A	1-2, A					22/08/2016	23/10/2016				2014
06	1170013				17		7-8, A	7-8, A	7-8, A					22/08/2016	23/10/2016				2014
07	1170013				17		7-8, A	7-8, A	7-8, A					22/08/2016	23/10/2016				2014
08	1170013				17		7-8, A	7-8, A	7-8, A					22/08/2016	23/10/2016				2014
09	1170013				17					1-2, A	1-2, A	1-2, A		22/08/2016	23/10/2016				2014
10	1170013				17					1-2, A	1-2, A	1-2, A		22/08/2016	23/10/2016				2014
11	1170013				17					1-2, A	1-2, A	1-2, A		22/08/2016	23/10/2016				2014
12	1170013				17					1-2, A	1-2, A	1-2, A		22/08/2016	23/10/2016				2014
13	1170013				17					7-8, A	7-8, A	7-8, A		22/08/2016	23/10/2016				2014
14	1170013				17					7-8, A	7-8, A	7-8, A		22/08/2016	23/10/2016				2014
15	1170013				17					7-8, A	7-8, A	7-8, A		22/08/2016	23/10/2016				2014
16	1170013				17					7-8, A	7-8, A	7-8, A		22/08/2016	23/10/2016				2014
17	1170013				17					7-8, A	7-8, A	7-8, A		22/08/2016	23/10/2016				2014
	1170019	Hình họa nghiên cứu hình thể tĩnh	GRD2014	3	323												Hình họa nghiên cứu vật thể tĩnh		
01	1170019				17		1-2, A	1-2, A	1-2, A					15/08/2016	30/10/2016				2013
02	1170019				17		1-2, A	1-2, A	1-2, A					15/08/2016	30/10/2016				2013
03	1170019				17		1-2, A	1-2, A	1-2, A					15/08/2016	30/10/2016				2013
04	1170019				17		1-2, A	1-2, A	1-2, A					15/08/2016	30/10/2016				2013
05	1170019				17		7-8, A	7-8, A	7-8, A					15/08/2016	30/10/2016				2013
06	1170019				17		7-8, A	7-8, A	7-8, A					15/08/2016	30/10/2016				2013
07	1170019				17		7-8, A	7-8, A	7-8, A					15/08/2016	30/10/2016				2013
08	1170019				17	Trần Đình Tuấn	7-8, A	7-8, A	7-8, A					15/08/2016	30/10/2016				2013
09	1170019				17		7-8, A	7-8, A	7-8, A					15/08/2016	30/10/2016				2013
10	1170019				17					1-2, A	1-2, A	1-2, A		15/08/2016	30/10/2016				2013
11	1170019				17	Ng.Duy Quốc Tuấn				1-2, A	1-2, A	1-2, A		15/08/2016	30/10/2016				2013
12	1170019				17					1-2, A	1-2, A	1-2, A		15/08/2016	30/10/2016				2013
13	1170019				17					1-2, A	1-2, A	1-2, A		15/08/2016	30/10/2016				2013
14	1170019				17					1-2, A	1-2, A	1-2, A		15/08/2016	30/10/2016				2013
15	1170019				17					7-8, A	7-8, A	7-8, A		15/08/2016	30/10/2016				2013
16	1170019				17					7-8, A	7-8, A	7-8, A		15/08/2016	30/10/2016				2013

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
17	1170019				17					7-8, A	7-8, A	7-8, A		15/08/2016	30/10/2016				2013
18	1170019				17					7-8, A	7-8, A	7-8, A		15/08/2016	30/10/2016				2013
19	1170019				17					7-8, A	7-8, A	7-8, A		15/08/2016	30/10/2016				2013
	1080093	Hình thể 1 (Kỹ thuật cơ bản)	CLM2059	3															
01	1080093				0	Nguyễn Hoàng Tùng	7-11, NA402							05/09/2016					2016
	1080095	Hình thể 3 (Múa)	CLM2061	3	20												DVK		
01	1080095				20	Phạm Ngọc Thùy	7-11, NA501							15/08/2016	23/10/2016				2015
	1190017	Hòa tấu 1.1	PIA2011	1	21														
01	1190017				2	Đinh Công Hải	9-11, D201							05/09/2016					2016
02	1190017				3	Lại Thị Phương Thảo			3-5, D207					05/09/2016					2016
03	1190017				3	Hà Cẩm Vân	9-11, D208							05/09/2016					2016
04	1190017				3	Lê Hải Thuận	3-4, D201							05/09/2016					2016
05	1190017				3	Lê Nam		9-11, D207						05/09/2016					2016
06	1190017				3	Nguyễn Ngọc Anh	3-5, D202							05/09/2016					2016
07	1190017				3	Nghiêm Thị Hà Ngân	9-11, D4							05/09/2016					2016
08	1190017				1	Bùi Đăng Khánh	3-5, D202							05/09/2016					2016
	1190019	Hòa tấu 2.1	PIA2012	1	24														
01	1190019				3	Mai Trần Hoàn	3-4, D4							15/08/2016	20/11/2016				2015
02	1190019				3	Nguyễn Thanh Hải	9-10, HVAN							15/08/2016	20/11/2016				2015
03	1190019				3	Mai Trần Hoàn	9-10, D4							15/08/2016	20/11/2016				2015
04	1190019				3	Mai Trần Hoàn	3-4, D4							15/08/2016	20/11/2016				2015
05	1190019				3	Nguyễn Thanh Hải		9-10, HVAN						15/08/2016	20/11/2016				2015
06	1190019				3	Nguyễn Thanh Hải		9-10, HVAN						15/08/2016	20/11/2016				2015
07	1190019				3	Mai Trần Hoàn	9-10, D4							15/08/2016	20/11/2016				2015
08	1190019				3	Mai Trần Hoàn	9-10, D4							15/08/2016	20/11/2016				2015
	1070116	Hòa thanh 1	MUS2022	3	225												3*MUS2022_2014		
01	1070116				45		1-5, D2							15/08/2016	20/11/2016				2015
02	1070116				45			7-11, D1						15/08/2016	20/11/2016				2015
03	1070116				45				1-5, D305					15/08/2016	20/11/2016				2015
04	1070116				45					7-11, D204				15/08/2016	20/11/2016				2015
05	1070116				45						1-5, D3			15/08/2016	20/11/2016				2015
06	1070116				0	Nguyễn Khải			15-17, D					29/08/2016					2015
	1090032	Hòa thanh 2	MUS2023	2													MUS2023		
01	1090032				0									14/01/2017	22/01/2017	TC CD SON TAY			2016
03	1090032				0									03/01/2017	15/01/2017	VD AN			2016
05	1090032				0									16/06/2016	18/06/2016	TC CD AN Nghe an			2016
	1110017	Hoạt động Mỹ thuật ngoài giờ lên lớp	BFA2005	2	135												4* MTCS_K5_SP MT		
01	1110017				45	Nguyễn Thị Đông		7-11, E402						15/08/2016	09/10/2016				2014
02	1110017				45	Nguyễn Thị Đông				1-5, E402				15/08/2016	09/10/2016				2014
03	1110017				45	Nguyễn Minh Tân					7-11, E402			15/08/2016	09/10/2016				2014
	1110065	Hướng dẫn chuẩn bị đồ chơi, đồ dùng DH trong GDMN	BFA2039	2	40												1*		
01	1110065				40	Nguyễn Thị Giang					1-5, E505			15/08/2016	23/10/2016				2014
	1060056	In độc bản	FAE2017	2	32												1*FAE2017		
01	1060056				16	Lưu Thị Hồng Diễm				1-5, C107	1-5, C107	1-5, C107		09/01/2017	05/03/2017	LT K7			2015

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1060056				16	Nguyễn Thị May				1-5, C104	1-5, C104	1-5, C104		09/01/2017	05/03/2017	LT K7			2015
	1090080	In độc bản	FAE2017	2													FAE2017		
01	1090080				0														2015
	1140030	Kỹ năng giao tiếp	PPE2022	2													1*		
01	1140030				0	Nguyễn Thị Tuyết Nhung			7-11, E507					05/09/2016					2016
	1080096	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 1	CLM2062	3													DVK		
01	1080096				0	Phạm Ngọc Dũng		7-11, NA402						05/09/2016					2016
	1080098	Kỹ thuật biểu diễn kịch - điện ảnh 3	CLM2064	3	20														
01	1080098				20	Phạm Ngọc Dũng			7-11, NA402					15/08/2016	06/11/2016				2015
	1070007	Kỹ xướng âm 1	MUS2017	2	270												1* MUS2017		
01	1070007				15	Vũ Thị Kim Thu	1-5, D404							05/09/2016					2016
02	1070007				15	Ng. Thị Thu Trang	1-5, D405							05/09/2016					2016
03	1070007				15	Trần Thị Thanh Hương	7-11, D404							05/09/2016					2016
04	1070007				15	Mai Linh Chi	7-11, D405							05/09/2016					2016
05	1070007				15	Trần Thị Thanh Hương		1-5, D204						05/09/2016					2016
06	1070007				15	Nguyễn Hồng Trang		1-5, D206						05/09/2016					2016
07	1070007				15	Nguyễn Hồng Trang			7-11, D406					05/09/2016					2016
08	1070007				15	Mai Linh Chi		7-11, D204						05/09/2016					2016
09	1070007				15	Nguyễn Đức Linh		7-11, D406						05/09/2016					2016
10	1070007				15	Phạm Xuân Cảnh			1-5, D304					05/09/2016					2016
12	1070007				15	Vũ Thị Kim Thu			1-5, D406					05/09/2016					2016
13	1070007				15	Phạm Thu Hường			7-11, D204					05/09/2016					2016
14	1070007				15	Phạm Thu Hường				1-5, DNN				05/09/2016					2016
16	1070007				15	Ng. Thị Thu Trang				1-5, D205				05/09/2016					2016
17	1070007				15	Nghiêm Hồng Hà				7-11, D404				05/09/2016					2016
18	1070007				15	Mai Linh Chi					7-11, D204			05/09/2016					2016
19	1070007				15	Ng. Thị Thu Trang					7-11, D406			05/09/2016					2016
20	1070007				15	Phạm Thu Hường					1-5, D406			05/09/2016					2016
	1070015	Kỹ xướng âm 2	MUS2018	2	16												2* Dùng chung		
01	1070015				16		7-11, D206							15/08/2016					2015
	1070021	Kỹ xướng âm 3	MUS2019	2	240												3* MUS2019		
01	1070021				16		1-5, D206							15/08/2016	13/11/2016				2015
02	1070021				16		1-5, D406							15/08/2016	13/11/2016				2015
03	1070021				16		7-11, D406							15/08/2016	13/11/2016				2015
04	1070021				16		7-11, D204							15/08/2016	13/11/2016				2015
05	1070021				16			1-5, D406						15/08/2016	13/11/2016				2015
06	1070021				16	Nguyễn Hồng Trang		7-11, D206						15/08/2016	13/11/2016				2015
07	1070021				16				1-5, D206					15/08/2016	13/11/2016				2015
09	1070021				16				7-11, D206					15/08/2016	13/11/2016				2015
10	1070021				16					1-5, D206				15/08/2016	13/11/2016				2015
11	1070021				16	Nguyễn Hồng Trang				7-11, D405				15/08/2016	13/11/2016				2015
12	1070021				16					7-11, D406				15/08/2016	13/11/2016				2015
13	1070021				16						1-5, D404			15/08/2016	13/11/2016				2015
14	1070021				16						1-5, D405			15/08/2016	13/11/2016				2015
15	1070021				16						7-11, D206			15/08/2016	13/11/2016				2015
16	1070021				16	Nguyễn Hồng Trang					7-11, D404			15/08/2016	13/11/2016				2015
	1090011	Kỹ xướng âm 3	MUS2019	2													MUS2019		
01	1090011				0									10/10/2016	12/11/2016	TC SON			2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1090011				0									10/10/2016	13/11/2016	TAY			2016
03	1090011				0									13/05/2016	15/05/2016	TC AN Nghe an			2016
	1070026	Kỹ xướng âm 4	MUS2020	2													4* MUS2020		
01	1070026				0	Nguyễn Khải					1-5, D204			05/09/2016		K8LT			2016
	1090031	Kỹ xướng âm 4	MUS2020	2													MUS2020		
01	1090031				0											VD AN			2015
	1070037	Kỹ xướng âm 5	MUS2021	2	185												5* MUS2021		
02	1070037				16		7-11, D304							15/08/2016	13/11/2016				2014
04	1070037				16			1-5, D304						15/08/2016	13/11/2016				2014
05	1070037				16			1-5, D405						15/08/2016	13/11/2016				2014
06	1070037				16			7-11, D405						15/08/2016	13/11/2016				2014
07	1070037				16				7-11, D404					15/08/2016	13/11/2016				2014
09	1070037				16	Ng.Thị Thu Trang			7-11, D405					15/08/2016	13/11/2016				2014
10	1070037				16					1-5, D304				15/08/2016	13/11/2016				2014
11	1070037				16					1-5, D406				15/08/2016	13/11/2016				2014
12	1070037				16					7-11, D206				15/08/2016	13/11/2016				2014
13	1070037				16						1-5, D206			15/08/2016	13/11/2016				2014
15	1070037				25	Nguyễn Khải							7-11, D204	15/08/2016					2015
	1090044	Kỹ xướng âm 5	MUS2021	2													MUS2021		
02	1090044				0									01/06/2016	30/07/2016	Da nang 15			2015
	1070020	Lịch sử âm nhạc thế giới 1	MUS2004	2	250												1*MUS2004		
01	1070020				50		1-5, D1							15/08/2016	23/10/2016				2015
02	1070020				50			7-11, E306						15/08/2016	23/10/2016				2015
03	1070020				50				1-5, D1					15/08/2016	23/10/2016				2015
04	1070020				50	Nguyễn Thị Tổ Mai				7-11, E306				15/08/2016	23/10/2016				2015
05	1070020				50	Đoàn Thị Thu Hà					7-11, D1			15/08/2016	23/10/2016				2015
	1070118	Lịch sử âm nhạc thế giới 3	MUS2006	2	200												3*MUS2006_2014		
01	1070118				50	Nghiêm Hồng Hà	1-5, DNN							15/08/2016	23/10/2016				2014
02	1070118				50	Nghiêm Hồng Hà				1-5, DNN				15/08/2016	23/10/2016				2014
03	1070118				50	Nghiêm Hồng Hà				7-11, DNN				15/08/2016	23/10/2016				2014
04	1070118				50	Nghiêm Hồng Hà					1-5, DNN			15/08/2016	23/10/2016				2014
05	1070118				0	Nghiêm Hồng Hà					7-11, DNN			05/09/2016		K8LT			2016
	1090006	Lịch sử âm nhạc thế giới 3	MUS2006	2													MUS2006		
01	1090006				0									12/08/2016	21/08/2016	TC CD SON TAY			2016
02	1090006				0									06/01/2017	08/01/2017	VD AN			2015
04	1090006				0									19/06/2016	21/06/2016	TC CD AN Nghe an			2016
	1090029	Lịch sử Mỹ thuật thế giới	BFA2010	2													BFA2010		
01	1090029				0									12/03/2017	19/03/2017	VD MT			2015
03	1090029				0									01/06/2016	30/07/2016	Yen bai			2015
	1110063	Lịch sử Mỹ thuật Việt nam và Thế giới	BFA2025	2															
01	1110063				0	Nguyễn Minh Tân							7-11, L.rieng	28/11/2016	14/12/2016				2013
	1130005	Lịch sử triết học 1	POL2005	2	210												5* 6_TKDH_TC		
01	1130005				70	Đinh Văn Hoàng		1-5, E701						15/08/2016	09/10/2016				2013
02	1130005				70	Đinh Văn Hoàng			7-11, E701					15/08/2016	09/10/2016				2013

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1130005				70	Đinh Văn Hoàng				7-11, E701				15/08/2016	09/10/2016				2013
	1130006	Lịch sử triết học 2	POL2006	2	85												6* 7_TKDH_TC		
01	1130006				85	Đinh Văn Hoàng				1-5, E701				15/08/2016	09/10/2016				2014
	1080008	Lịch sử văn minh thế giới	CLM2004	2	50												1_QLVH_M2_TC		
01	1080008				50	Vũ Thị Thái Hoa						7-11, E501		05/09/2016					2016
	1090087	Lịch sử văn minh thế giới	CLM2004	2													CLM2004		
01	1090087				0	.										QLVH BACKAN			2016
	1110003	Luật xa gần	BFA2009	2	275												1* MTCS_Ky1_m nchung		
01	1110003				55	Trang Tổ Uyên	1-5, E402							05/09/2016	13/11/2016				2016
02	1110003				55	Vũ Hạnh Chi	7-11, E402							05/09/2016	13/11/2016				2016
03	1110003				55	Trang Tổ Uyên			1-5, E505					05/09/2016	13/11/2016				2016
04	1110003				0	Vũ Hạnh Chi		7-11, E503						05/09/2016	13/11/2016				2016
05	1110003				0	Vũ Hạnh Chi			7-11, E402					05/09/2016	13/11/2016				2016
06	1110003				55	Trang Tổ Uyên				1-5, E506				05/09/2016	13/11/2016				2016
08	1110003				55	Trang Tổ Uyên					1-5, E401			05/09/2016	13/11/2016				2016
	1090005	Luật xa gần	BFA2009	2													BFA2009		
01	1090005				0	.								13/05/2016	15/05/2016	TC MT Nghe an			2016
	1070005	Lý thuyết Âm nhạc 1	MUS2008	3	270												1*MUS2008		
01	1070005				45	Mai Linh Chi	1-5, D305							05/09/2016					2016
02	1070005				45	Nguyễn Thị Phương Mai	7-11, DNN							05/09/2016					2016
03	1070005				45	Ng.Thị Thu Trang		1-5, D404						05/09/2016					2016
04	1070005				45	Nguyễn Thị Lệ Huyền		7-11, D404						05/09/2016					2016
05	1070005				45	Trần Thị Thanh Hương				1-5, D305				05/09/2016					2016
07	1070005				45	Mai Linh Chi					1-5, D304			05/09/2016					2016
	1090022	Lý thuyết Âm nhạc 2	MUS2009	2													MUS2009		
03	1090022				0	.								01/06/2016	03/06/2016	TC AN Nghe an			2016
	1080034	Marketing văn hóa nghệ thuật	CLM2035	2	140												7_QLVH_M4		
01	1080034				70				7-11, E403					15/08/2016	23/10/2016				2013
02	1080034				70						7-11, E403			15/08/2016	23/10/2016				2013
	1090023	Múa	*MUS2011	3													*MUS2011		
01	1090023				0	.								04/06/2016	07/06/2016	TC AN Nghe an			2016
02	1090023				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Đa nang 15			2015
03	1090023				0														2015
	1070006	Múa A	MUS2011*	0	170												1*MUS2011		
01	1070006				17	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607							05/09/2016					2016
02	1070006				17	Ng.Th.Quỳnh Phương	1-5, E607							05/09/2016					2016
03	1070006				17	Ng.Th.Quỳnh Phương	7-11, E607							05/09/2016					2016
04	1070006				17	Ng.Th.Quỳnh Phương	7-11, E607							05/09/2016					2016
05	1070006				17	Ng.Thuý Hường			1-5, E607					05/09/2016					2016
06	1070006				17	Ng.Thuý Hường			1-5, E607					05/09/2016					2016
07	1070006				17	Ng.Thuý Hường			7-11, E607					05/09/2016					2016
08	1070006				17	Ng.Thuý Hường			7-11, E607					05/09/2016					2016
09	1070006				17	Ng.Th.Quỳnh Phương					1-5, E607			05/09/2016					2016
10	1070006				17	Ng.Th.Quỳnh Phương					1-5, E607			05/09/2016					2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1070115	Múa và Phương pháp dạy múa cho trẻ em	MUS2045	3	40												MUS2045		
01	1070115				40	Ng.Thuý Hường				7-11, E607				15/08/2016					2014
02	1070115				0	Ng.Thuý Hường				7-11, E607									2014
	1090051	Mỹ học	BFA2003	2													BFA2003		
02	1090051				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Yen bai			2015
	1090085	Mỹ học	CLM2006	2													CLM2006		
01	1090085				0	.										QLVH BACKAN			2016
	1110013	Mỹ học	BFA2003	2	280												MTCS_K4_SP MT_TKTT		
01	1110013				70		7-11, E506							15/08/2016	23/10/2016				2015
02	1110013				70			1-5, E506						15/08/2016	23/10/2016				2015
03	1110013				70				1-5, E506					15/08/2016	23/10/2016				2015
04	1110013				70				7-11, E506					15/08/2016	23/10/2016				2015
	1090054	Mỹ học	MUS2002	2													MUS2002		
01	1090054				0	.								25/11/2016	27/11/2016	TC SON TAY			2016
	1070046	Mỹ học (AN)	MUS2002	2	140												MUS2002		
01	1070046				70			1-5, D2						15/08/2016	23/10/2016				2013
02	1070046				70				1-5, D2					15/08/2016	23/10/2016				2013
	1090024	Mỹ thuật học	BFA2012	3													BFA2012		
01	1090024				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Yen bai			2015
02	1090024				0														2015
	1080042	Nghệ thuật diễn giảng và tổ chức HD tập thể	CLM2043	2	140												7_QLVH_M4_TC		
01	1080042				70					1-5, E403				15/08/2016	23/10/2016				2013
02	1080042				70					7-11, E403				15/08/2016	23/10/2016				2013
03	1080042				0												Lop riêng		2015
	1110029	Nghệ thuật học đại cương	BFA2001	2	355												1*- MTCS		
01	1110029				75		1-5, E505							15/08/2016	09/10/2016				2015
02	1110029				70	Đào Thị Thuý Anh		1-5, E402						05/09/2016	13/11/2016				2016
03	1110029				70	Đào Thị Thuý Anh				1-5, E503				05/09/2016	13/11/2016				2016
04	1110029				70	Nguyễn Minh Tân						1-5, E506		05/09/2016	13/11/2016				2016
05	1110029				70	Nguyễn Minh Tân			1-5, E401					05/09/2016	13/11/2016				2016
	1090066	Nghệ thuật học đại cương	MUS2003	2													MUS2003		
02	1090066				0	.								01/07/2016	03/07/2016	TC CD AN Nghe an			2016
03	1090066				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Da nang 15			2015
04	1090066				0	.										son tay CD + TC			2016
05	1090066				0														2016
	1060058	Nghệ thuật thiết kế	FAE2018	2	112												1*FAE2018		
01	1060058				16	Nguyễn Tuấn Cường	7-11, B1	7-11, B1	7-11, B1					09/01/2017	05/03/2017				2013
02	1060058				16	Nguyễn Thị Hà Hoa	7-11, B2	7-11, B2	7-11, B2					09/01/2017	05/03/2017				2013
03	1060058				16	Nguyễn Tuấn Cường	1-5, B1	1-5, B1	1-5, B1					09/01/2017	05/03/2017				2013
04	1060058				16	Nguyễn Quang Huy	1-5, B2	1-5, B2	1-5, B2					09/01/2017	05/03/2017				2013
05	1060058				16	Nguyễn Tuấn Cường				7-11, B103	7-11, B103	7-11, B103		09/01/2017	05/03/2017				2013
06	1060058				16	Nguyễn Thị Hà Hoa				7-11, B104	7-11, B104	7-11, B104		09/01/2017	05/03/2017				2013
07	1060058				16	Nguyễn Quang Huy				7-11, B106	7-11, B106	7-11, B106		09/01/2017	05/03/2017				2013
	1060059	Nghiên cứu và sao chép tranh sơn dầu cổ điển	FAE2019	2	112												FAE2019		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1060059				16	Nguyễn Hoàng Tùng	1-5, B103	1-5, B103	1-5, B103					09/01/2017	05/03/2017				2013
02	1060059				16	Hoàng Đức Dũng	1-5, B104	1-5, B104	1-5, B104					09/01/2017	05/03/2017				2013
03	1060059				16	Nguyễn Thị Hà Hoa	7-11, B103	7-11, B103	7-11, B103					09/01/2017	05/03/2017				2013
04	1060059				16	Nguyễn Văn Cường chuyen mtcs	7-11, B104	7-11, B104	7-11, B104					09/01/2017	05/03/2017				2013
05	1060059				16	Nguyễn Hoàng Tùng				1-5, B103	1-5, B103	1-5, B103		09/01/2017	05/03/2017				2013
06	1060059				16	Nguyễn Văn Cường chuyen mtcs				1-5, B104	1-5, B104	1-5, B104		09/01/2017	05/03/2017				2013
07	1060059				16	Nguyễn Quang Minh				1-5, B106	1-5, B106	1-5, B106		09/01/2017	05/03/2017				2013
08	1060059				0	Nguyễn Tuấn Cường				1-5, B	1-5, B	1-5, B		31/10/2016		K8 LT			2016
	1170011	Nguyên lý thị giác	GRD2006	4	300												5_TKDH_M3		
01	1170011				60				1-5, E601					15/08/2016	13/11/2016				2014
02	1170011				60				7-11, E601					15/08/2016	13/11/2016				2014
03	1170011				60				7-11, E601					15/08/2016	13/11/2016				2014
04	1170011				60							1-5, E601		15/08/2016	13/11/2016				2014
05	1170011				60	Nguyễn Thành Sơn							7-11, E601	15/08/2016	13/11/2016				2014
	1100066	Nhạc cụ 1A	IMU2001*	0	180												1_SPAN		
01	1100066				10	Đào văn Kiên		3-4, D101						05/09/2016					2016
05	1100066				10	Nguyễn Thị Thu Thủy			3-4, D203					05/09/2016					2016
07	1100066				10	Trần Bích Thủy			3-4, D102					05/09/2016					2016
09	1100066				10	Lương Diệu Ánh			3-4, D108					05/09/2016					2016
14	1100066				10	Nguyễn Thị Thu Hương						3-4, D102		05/09/2016					2016
15	1100066				10	Lương Đức Giang						3-4, D203		05/09/2016					2016
16	1100066				10	Nguyễn Thị Thu Thủy						3-4, VPK		05/09/2016					2016
19	1100066				10	Nguyễn Tất Sáng						9-10, D101		05/09/2016					2016
20	1100066				10	Hà Tân Mùi						9-10, D102		05/09/2016					2016
21	1100066				10	Đào Văn Thực						9-10, D107		05/09/2016					2016
24	1100066				10	Nguyễn Nguyệt Cầm	3-4, Guitar												2016
25	1100066				10	Phạm Hồng Phương		3-4, Guitar											2016
26	1100066				10	Nguyễn Nguyệt Cầm			3-4, Guitar										2016
29	1100066				0	Đào văn Kiên	13-17, HLai												2013
30	1100066				0	Bá Sản	13-17, HLai												2013
31	1100066				10	Nguyễn Quang Tùng				3-4, Guitar									2016
32	1100066				10	Nguyễn Quang Tùng		3-4, Guitar											2016
34	1100066				10	Nguyễn Quang Tùng		9-10, Guitar											2016
35	1100066				10	Nguyễn Nguyệt Cầm			9-10, Guitar										2016
36	1100066				10	Nguyễn Nguyệt Cầm				9-10, Guitar									2016
	1100002	Nhạc cụ 2	*IMU2002	1													4_SPAN_M4		
01	1100002				0	Ngô Thị Việt Anh							13-15, C308			Lop riêng			2013
	1100074	Nhạc cụ 2	*IMU1012	1													SP CD		
01	1100074				0	Nguyễn Nguyệt Cầm			10-11, NC					15/08/2016	27/11/2016				2013
	1100081	Nhạc cụ 2A	IMU1012*	0	10												3_CDAN		
01	1100081				10	Đào Văn Thực						3-4, D107							2015
03	1100081				0	Nguyễn Quang Tùng	3-4, D108												2015
	1100069	Nhạc cụ 2A	IMU2002*	0	220												3_SPAN		
01	1100069				10	Đoàn Anh Vũ	3-4, D101							15/08/2016					2015
02	1100069				10	Nguyễn Thị Thu Thủy	3-4, D107							15/08/2016					2015
03	1100069				10	NgTất Sáng hùy	3-4, C410							15/08/2016					2015
05	1100069				10	Lương Đức Giang	3-4, D108							15/08/2016					2015

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
06	1100069				10	Lương Đức Giang	9-10, D101							15/08/2016					2015
07	1100069				10	Đặng Thái Sơn	9-10, D108							15/08/2016					2015
09	1100069				10	Vũ Thanh Xuân	9-10, C410							15/08/2016					2015
10	1100069				10	Bá Sấn	9-10, C411							15/08/2016					2015
11	1100069				10	Đoàn Anh Vũ		3-4, D107						15/08/2016					2015
12	1100069				10	Bá Sấn		3-4, D203						15/08/2016					2015
13	1100069				10	Trần Quốc Thùy		3-4, D108						15/08/2016					2015
15	1100069				10	Nguyễn Thị Thu Thủy		3-4, D102						15/08/2016					2015
16	1100069				10	Phạm Hồng Phương		9-10, VPK						15/08/2016					2015
17	1100069				10	Vũ Thanh Xuân		9-10, C308						15/08/2016					2015
18	1100069				10	Phạm Hồng Phương	3-4, D108							15/08/2016					2015
19	1100069				10	Bá Sấn		9-10, C410						15/08/2016					2015
20	1100069				10	Phạm Hồng Phương			9-10, C410					15/08/2016					2015
21	1100069				10	NgTất Sáng hùy				3-4, C308				15/08/2016					2015
22	1100069				10	Nguyễn Thị Thu Thủy				3-4, C410				15/08/2016					2015
23	1100069				10	Vũ Thanh Xuân				3-4, C411				15/08/2016					2015
24	1100069				10	Bá Sấn				3-4, C412				15/08/2016					2015
25	1100069				10	Đào văn Kiên				3-4, D108				15/08/2016					2015
26	1100069				0	Đào văn Kiên		13-17, HLai											2013
	1100036	Nhạc cụ 3	IMU1013	1													CĐ SP		
02	1100036				0	Vũ Thanh Xuân			9-10, D107					15/08/2016					2014
03	1100036				0	Nguyễn Thị Thu Thủy			9-10, C308					15/08/2016					2014
	1090034	Nhạc cụ 3	IMU1013	1													IMU1013		
03	1090034				0	.								25/06/2016	30/06/2016	TC CD AN Nghe an			2016
04	1090034				0														2016
	1100072	Nhạc cụ 3A	VMI2013*	0													5_SPAN		
01	1100072				0	Đoàn Anh Vũ				9-10, C410				15/08/2016					2014
02	1100072				0	Trần Quốc Thùy				9-10, D102				15/08/2016					2014
03	1100072				0	Đào văn Kiên				9-10, D108				15/08/2016					2014
04	1100072				0	Đặng Thái Sơn				9-10, D107				15/08/2016					2014
05	1100072				0	Trần Quốc Thùy				3-4, D101				15/08/2016					2014
06	1100072				0	Đặng Thái Sơn				3-4, D102				15/08/2016					2014
07	1100072				0	Lương Đức Giang				3-4, D107				15/08/2016					2014
08	1100072				0	Lương Diệu Ánh				3-4, D203				15/08/2016					2014
09	1100072				0	Mai Trần Hoàn	3-4, D102							15/08/2016					2014
10	1100072				0	Bá Sấn	3-4, C308							15/08/2016					2014
11	1100072				0	Đào văn Kiên	3-4, D202							15/08/2016					2014
12	1100072				0	Phạm Hồng Phương	3-4, VPK							15/08/2016					2014
13	1100072				0	Vũ Ngọc Sơn	9-10, D107							15/08/2016					2014
14	1100072				0	Mai Trần Hoàn	9-10, D102							15/08/2016					2014
15	1100072				0	NgTất Sáng hùy	9-10, C308							15/08/2016					2014
16	1100072				0	Ngô Thị Việt Anh	9-10, D203							15/08/2016					2014
17	1100072				0	Trần Bích Thủy					9-10, C412			15/08/2016					2014
18	1100072				0	Đào văn Kiên					9-10, D202			15/08/2016					2014
19	1100072				0	Vũ Ngọc Sơn					9-10, D102			15/08/2016					2014
20	1100072				0	Nguyễn Tất Sáng						3-4, C308		05/09/2016					2016
21	1100072				0	Đặng Thái Sơn			9-10, C410					15/08/2016					2014

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
22	1100072				0	Đào văn Kiên			9-10, C411					15/08/2016					2014
23	1100072				0	Ngô Thị Việt Anh		13-17, HLai											2016
24	1100072				0	Đào văn Kiên		13-17, HLai											2013
	1100012	Nhạc cụ 4	VMI2014	1													SPAN		
01	1100012				0	Đào văn Kiên			9-10, D202					15/08/2016	27/11/2016				2013
02	1100012				0	Lương Diệu Ánh			9-10, D203					15/08/2016	27/11/2016				2013
03	1100012				0	Trần Bích Thủy			9-10, D101					15/08/2016	27/11/2016				2013
04	1100012				0	Trần Quốc Thùy			9-10, D108					15/08/2016	27/11/2016				2013
05	1100012				0	Phạm Hồng Phương	1-5, VPK							15/08/2016	27/11/2016				2013
06	1100012				0	Ngô Thị Việt Anh		9-10, D203						15/08/2016	27/11/2016				2013
07	1100012				0	Vũ Ngọc Sơn		9-10, D102						15/08/2016	27/11/2016				2013
08	1100012				0	NgTất Sáng hùỵ		9-10, D107						15/08/2016	27/11/2016				2013
09	1100012				0	Trần Bích Thủy				9-10, D101				15/08/2016	27/11/2016				2013
10	1100012				0	Đào văn Kiên				9-10, D108				15/08/2016	27/11/2016				2013
11	1100012				0	Lương Diệu Ánh				9-10, D203				15/08/2016	27/11/2016				2013
12	1100012				0	Đoàn Anh Vũ					3-4, D107			15/08/2016	27/11/2016				2013
13	1100012				0	Đặng Thái Sơn					3-4, D108			15/08/2016	27/11/2016				2013
14	1100012				0	Lương Đức Giang					3-4, D101			15/08/2016	27/11/2016				2013
15	1100012				0	Trần Quốc Thùy					3-4, D102			15/08/2016	27/11/2016				2013
16	1100012				0	Lương Diệu Ánh							1-5, CLC	15/08/2016	27/11/2016				2013
17	1100012				0	Lương Diệu Ánh					9-10, D203			15/08/2016	27/11/2016				2013
18	1100012				0	Ngô Thị Việt Anh		13-17, D203						15/08/2016	27/11/2016				2013
19	1100012				0	Đặng Thái Sơn					9-10, D108			15/08/2016	27/11/2016				2013
20	1100012				0	Vũ Thanh Xuân					9-10, C410			15/08/2016	27/11/2016				2013
21	1100012				0	Lương Đức Giang					9-10, D101			15/08/2016	27/11/2016				2013
22	1100012				0	Đoàn Anh Vũ							3-4, D101	15/08/2016		K7LT			2015
23	1100012				0	Đoàn Anh Vũ							3-4, D102	15/08/2016		K7LT			2015
24	1100012				0	Mai Trần Hoàn							1-2, D203	15/08/2016		K7LT			2015
25	1100012				0	Ngô Thị Việt Anh							1-2, D203	15/08/2016					2015
	1100059	Nhạc cụ A	IMU1010*	0													CĐ_K1		
01	1100059				0	Phạm Hồng Phương		1-2, HLai											2014
	1080006	Nhân học văn hóa	CLM2002	2	130												5_QLVH_M2		
01	1080006				65		1-5, E405							15/08/2016	23/10/2016				2014
02	1080006				65		7-11, E405							15/08/2016	23/10/2016				2014
	1020011	Nhập môn Design	FAD2002	2	220														
01	1020011				55	Lê Thị Lan	1-5, A203							05/09/2016	13/11/2016				2013
02	1020011				55	Nguyễn Hải Hà							1-5, A303	10/10/2016					2013
03	1020011				55	Nguyễn Hải Hà						1-5, E703		05/09/2016	13/11/2016				2013
04	1020011				55	Trần Thanh Nga						7-11, E703		05/09/2016	13/11/2016				2013
	1070042	Nhập môn phức điệu	MUS2015	2	50												MUS2015		
01	1070042				50	Lương Minh Tân						7-11, DNN		15/08/2016					2015
	1130001	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1	POL2001	2	664												1*NLI		
01	1130001				83	Nguyễn Thị Thu Hà	1-5, E701							05/09/2016	30/10/2016				2016
02	1130001				0	Đinh Văn Hoàng							1-5, Lop Rieng			Lop rieng			2013
03	1130001				83	Đinh Văn Hoàng		7-11, E506						05/09/2016	30/10/2016				2016
04	1130001				83	Nguyễn Thị Huyền		7-11, D3						05/09/2016	30/10/2016				2016
06	1130001				83	Nguyễn Thị Huyền			7-11, E505					05/09/2016	30/10/2016				2016
07	1130001				83	Nguyễn Thị Huyền				7-11, E505				05/09/2016	30/10/2016				2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
08	1130001				83	Nguyễn Thị Thu Hà					1-5, E503			05/09/2016	30/10/2016				2016
09	1130001				83	Nguyễn Thị Thu Hà					7-11, E503			05/09/2016	30/10/2016				2016
11	1130001				83	Nguyễn Thị Thu Hà						7-11, E503		05/09/2016	30/10/2016				2016
	1090003	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1	POL2001	2													POL2001		
01	1090003				0	.								26/08/2016	28/08/2016	TC SON TAY			2016
03	1090003				0	.								22/04/2016	24/04/2016	TC nghe an AN MT			2016
04	1090003				0	.										QLVH BACKAN			2016
	1130002	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	POL2002	3	70												2* NL2		
01	1130002				70	Đỗ Việt Hùng			1-5, E701					15/08/2016	09/10/2016				2015
11	1130002				0	Đinh Văn Hoàng							1-5, Lop Rieng			Lop rieng			2013
	1090043	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	POL2002	3													POL2002		
01	1090043				0	.								10/09/2016	18/09/2016	TC SON TAY			2016
03	1090043				0	.								06/05/2016	08/05/2016	TC nghe an AN MT			2016
	1070036	Phân tích tác phẩm 2	MUS2025	2	225												5*MUS2025		
01	1070036				45	Phạm Thu Hường	1-5, D304							15/08/2016	23/10/2016				2014
02	1070036				45			1-5, DNN						15/08/2016	23/10/2016				2014
03	1070036				45			7-11, DNN						15/08/2016	23/10/2016				2014
04	1070036				45				7-11, DNN					15/08/2016	23/10/2016				2014
05	1070036				45	Phạm Thu Hường				7-11, D305				15/08/2016	23/10/2016				2014
06	1070036				0	Lương Minh Tân							1-5, D	05/09/2016		K8LT			2016
	1090045	Phân tích tác phẩm 2	MUS2025	2													MUS2025		
01	1090045				0	.								07/07/2016	09/07/2016	TC CD AN Nghe an			2016
02	1090045				0														2015
	1130007	Pháp luật đại cương	POL2007	2	420												1* Chung DH&CD		
01	1130007				70	Phạm Thị Thu Hà	1-5, E301							10/10/2016	04/12/2016	Sau Pol2003 .01			2013
02	1130007				70	Phạm Thị Thu Hà		1-5, E301						10/10/2016	04/12/2016	Sau Pol2003 .02			2013
03	1130007				70	Phạm Thị Thu Hà					1-5, E301			10/10/2016	04/12/2016	Sau Pol2003 .03			2013
04	1130007				70	Phạm Thị Thu Hà				1-5, E301				10/10/2016	04/12/2016	Sau Pol2003 .05			2013
05	1130007				70	Nguyễn Thị Thanh Thủy						7-11, E301		15/08/2016	09/10/2016	truoc Pol2003 .06			2013
06	1130007				70	Nguyễn Thị Thanh Thủy						1-5, E301		15/08/2016	09/10/2016	truoc Pol2003 .09			2013
13	1130007				0														2014
14	1130007				0	Phạm Thị Thu Hà							1-5, Lop Rieng			Lop rieng			2013
	1100047	Phát âm tiếng ý, Đức, Nga và một số ngôn ngữ khác	VMU2012	4	50												5_TN_M4		
01	1100047				50	Hà Thanh Hương						1-5, DNN		05/09/2016					2014
02	1100047				0	Hà Thanh Hương						1-5, D304		10/10/2016					2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1100047				0	Hà Thanh Hương						7-11, D304		10/10/2016					2016
	1080043	Phát triển văn hóa cộng đồng	CLM2044	2													6_QLVH_M4_TC		
03	1080043				0	Nông Thị Thanh Thuý							7-11, Lop riêng			Lop riêng			2013
	1080028	Phương pháp dàn dựng chương trình nghệ thuật	CLM2029	4	119												5_QLVH_M4		
01	1080028				17	Lý Minh Huệ		1-5, E607						15/08/2016	06/11/2016				2014
02	1080028				17	Lý Minh Huệ		7-11, E607						15/08/2016	06/11/2016				2014
03	1080028				17	Phạm Ngọc Thùy			1-5, NA501					15/08/2016	06/11/2016				2014
04	1080028				17	Phạm Ngọc Thùy				7-11, NA501				15/08/2016	06/11/2016				2014
05	1080028				17	Trần Hoàng Tiến						1-5, E607		15/08/2016	06/11/2016				2014
06	1080028				17	Ng.Thị Thanh Mai			7-11, NA501					15/08/2016	06/11/2016				2014
07	1080028				17	Phạm Ngọc Thùy					7-11, E607			15/08/2016	06/11/2016				2014
08	1080028				0											Lop riêng			2015
	1070039	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	MUS2032	2	180												5*MUS2032		
01	1070039				45		7-11, D305							15/08/2016	30/10/2016				2014
02	1070039				45			1-5, D1						15/08/2016	30/10/2016				2014
03	1070039				45			7-11, D305						15/08/2016	30/10/2016				2014
04	1070039				45				7-11, D305					15/08/2016	30/10/2016				2014
07	1070039				0	Đoàn Thị Thu Hà							7-11, D	05/09/2016		K8LT			2016
	1090020	Phương pháp dạy học âm nhạc 2	MUS2032	2													MUS2032		
01	1090020				0	.								27/05/2016	29/05/2016	TC CD AN Nghe an			2016
	1110016	Phương pháp dạy học Mỹ thuật	BFA2002	4	90												3* 5_SPMT_M5		
01	1110016				45		1-5, E401							15/08/2016	04/12/2016				2014
02	1110016				45					7-11, E401				15/08/2016	04/12/2016				2014
	1140019	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	PPE2008	2	595												1* Dang dung		
01	1140019				85	Lê Thị Lệ Hương	1-5, E507							15/08/2016	16/10/2016				2015
02	1140019				85	Nguyễn Mai Hương	7-11, E701							15/08/2016	16/10/2016				2015
03	1140019				85	Lê Thị Lệ Hương		7-11, E605						15/08/2016	16/10/2016				2015
04	1140019				85	Lê Thị Lệ Hương			1-5, E507					15/08/2016	16/10/2016				2015
05	1140019				85	Lê Thị Lệ Hương				1-5, E507				15/08/2016	16/10/2016				2015
06	1140019				85	Nguyễn Mai Hương				7-11, E507				15/08/2016	16/10/2016				2015
07	1140019				85	Nguyễn Mai Hương						1-5, E302		15/08/2016	16/10/2016				2015
	1090065	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	PPE2008	2													PPE2008		
02	1090065				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Yen bai			2015
03	1090065				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Da nang 15			2015
	1080035	Phương pháp nghiên cứu văn hóa	CLM2036	2	150												7_QLVH_M4		
01	1080035				75		1-5, E403							15/08/2016	23/10/2016				2013
02	1080035				75					1-5, E405				15/08/2016	23/10/2016				2013
	1100048	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc	VMU2009	2													2_TN_M4		
01	1100048				0	Trần Mai Tuyết			1-5, D404					12/09/2016					2016
02	1100048				0	Trần Mai Tuyết					7-11, D3			12/09/2016					2016
	1100064	Piano 1.1	PIA2023	1	75												Dang dung		
01	1100064				5	Đinh Công Hải						9-11, D201		05/09/2016					2016
02	1100064				5	Dương Vũ Bình Minh					4-5, D205			05/09/2016					2016
03	1100064				5	Dương Vũ Bình Minh					9-11, D208			05/09/2016					2016
04	1100064				5	Vũ Thùy Linh		4-5, D205						05/09/2016					2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
05	1100064				5	Dương Vũ Bình Minh			4-5, D208					05/09/2016					2016
06	1100064				5	Lê Nam	9-11, D205							05/09/2016					2016
07	1100064				5	Vũ Thùy Linh			9-11, D202					05/09/2016					2016
08	1100064				0	Lê Nam		9-10, piano						05/09/2016					2016
09	1100064				5	Nguyễn Thanh Hải			9-11, D4					05/09/2016					2016
10	1100064				5	Vũ Thùy Linh	4-5, D208							05/09/2016					2016
11	1100064				0	Vũ Thùy Linh		9-10, D						05/09/2016		hoc lai			2016
12	1100064				5	Vũ Thanh Xuân	4-5, C309							05/09/2016					2016
13	1100064				5	Nguyễn Thanh Hải			4-5, C309					05/09/2016					2016
14	1100064				5	Đào văn Kiên			4-5, D202					05/09/2016					2016
15	1100064				5	Hà Cẩm Vân					9-11, D202			05/09/2016					2016
16	1100064				5	My Vân					4-5, D202			05/09/2016					2016
17	1100064				5	My Vân					9-11, D208			05/09/2016					2016
19	1100064				0	Lê Nam				4-5, Piano				05/09/2016					2016
	1100065	Piano 1.2	PIA2023	1													Dang dung		
01	1100065				0	Lê Nam				1-2, Hlai				05/09/2016		hoc lai			2016
03	1100065				0	Vũ Thùy Linh		9-10, Hlai											2016
	1100085	Piano 2.1	PIA2024	1													Dang dung		
01	1100085				0	Lê Hải Thuận			4-5, Piano					15/08/2016					2015
02	1100085				0	Lê Hải Thuận		4-5, Piano						15/08/2016					2015
03	1100085				0	Lê Nam		4-5, Piano						15/08/2016					2015
04	1100085				0	Hà Cẩm Vân		4-5, Piano						15/08/2016					2015
05	1100085				0	Nghiêm Thị Hà Ngân		4-5, Piano						15/08/2016					2015
06	1100085				0	Nguyễn Ngọc Anh					4-5, Piano			15/08/2016					2015
07	1100085				0	Đào văn Kiên		9-10, piano						15/08/2016					2015
08	1100085				0	Vũ Thùy Linh		9-10, piano						15/08/2016					2015
09	1100085				0	Nghiêm Thị Hà Ngân		9-10, piano						15/08/2016					2015
10	1100085				0	Đào văn Kiên		9-10, piano						15/08/2016					2015
12	1100085				0	Lê Nam				4-5, Piano				15/08/2016					2015
13	1100085				0	Hà Cẩm Vân					4-5, Piano			15/08/2016					2015
14	1100085				0	Lại Thị Phương Thảo					4-5, Piano			15/08/2016					2015
15	1100085				0	Vũ Thùy Linh					4-5, Piano			15/08/2016					2015
16	1100085				0	Lê Hải Thuận					4-5, Piano			15/08/2016					2015
17	1100085				0	Vũ Thùy Linh		9-10, piano						15/08/2016					2015
18	1100085				0	Đinh Công Hải		4-5, Piano											2016
	1100090	Piano 2.2	PIA2024	1													Dang dung		
01	1100090				0	Đinh Công Hải		4-5, Piano											2016
	1190001	Piano CN 1.1	PIA2003	2	21														
01	1190001				2	Đinh Công Hải	7-8, D201			7-8, D201				05/09/2016					2016
02	1190001				3	Lại Thị Phương Thảo			1-2, D207		7-8, D207			05/09/2016					2016
03	1190001				3	Hà Cẩm Vân	7-8, D208			7-8, D205				05/09/2016					2016
04	1190001				3	Lê Hải Thuận	1-2, D201			1-2, D4				05/09/2016					2016
05	1190001				3	Lê Nam		7-8, D207		7-8, D207				05/09/2016					2016
06	1190001				3	Nguyễn Ngọc Anh	1-2, D202			1-2, D205				05/09/2016					2016
07	1190001				3	Nghiêm Thị Hà Ngân	7-8, D4			7-8, C309				05/09/2016					2016
08	1190001				1	Bùi Đăng Khánh	1-2, D202			1-2, D207				05/09/2016					2016
	1190003	Piano CN 2.1	PIA2004	2	24														
01	1190003				3	Đinh Công Hải	1-2, D201			7-8, D201				15/08/2016	20/11/2016				2015

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1190003				3	Lại Thị Phương Thảo	7-8, D207		7-8, D207					15/08/2016	20/11/2016				2015
03	1190003				3	Hà Cẩm Vân	7-8, D208			7-8, D202				15/08/2016	20/11/2016				2015
04	1190003				3	Lê Hải Thuận	1-2, D4			1-2, D4				15/08/2016	20/11/2016				2015
05	1190003				3	Lê Nam		7-8, D4		7-8, D4				15/08/2016	20/11/2016				2015
06	1190003				3	Nguyễn Ngọc Anh		7-8, D201		7-8, D208				15/08/2016	20/11/2016				2015
07	1190003				3	Nghiêm Thị Hà Ngân	7-8, C309			7-8, C309				15/08/2016	20/11/2016				2015
08	1190003				3	Bùi Đăng Khánh	7-8, D4			7-8, D207				15/08/2016	20/11/2016				2015
	1080041	Quan hệ công chúng	CLM2042	2	150												7_QLVH_M4_TC		
01	1080041				75			1-5, E501						15/08/2016	23/10/2016				2013
02	1080041				75			7-11, E501						15/08/2016	23/10/2016				2013
	1080023	Quản lý di sản văn hóa	CLM2020	4													6_QLVH_M4		
01	1080023				0	Vũ Thị Thái Hoa							7-11, E403			Lop Riêng			2013
	1080037	Quản lý dự án văn hóa	CLM2038	2	150												7_QLVH_M4		
01	1080037				75			1-5, E405						15/08/2016	23/10/2016				2013
02	1080037				75							1-5, E501		15/08/2016	23/10/2016				2013
	1140021	Quản lý HCNN & Quản lý ngành GD&ĐT	PPE2003	2	50														
01	1140021				50	Nguyễn Thị Duyên			1-5, E302					15/08/2016	09/10/2016				2014
	1080020	Quản lý thiết chế và các hoạt động VHNT 1	CLM2017	3	40												3_QLVH_M4		
01	1080020				40		7-11, E403							15/08/2016	23/10/2016				2015
	1080068	Quản lý thiết chế và các hoạt động VHNT 1	CLM2178	2													VLVH		
01	1080068				0	Nông Thị Thanh Thuý			7-11, E501					05/09/2016					2016
	1080024	Quản lý văn hóa du lịch	CLM2021	2													6_QLVH_M4		
01	1080024				0	Nguyễn Thị Thanh Loan							7-11, E403			Lop Riêng			2013
	1080022	Quản trị dịch vụ văn hóa	CLM2019	2													6_QLVH_M4		
03	1080022				0	Đào Thị Thủy Tiên							7-11, L.rieng			Lop riêng			2013
	1140020	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	PPE2009	2	275												4*		
01	1140020				55	Lương Thị Thanh Hải		1-5, E507						15/08/2016	16/10/2016				2014
02	1140020				55	Nguyễn Mai Hương		7-11, E507						15/08/2016	16/10/2016				2014
03	1140020				55	Lương Thị Thanh Hải				1-5, E507				15/08/2016	16/10/2016				2014
04	1140020				55	Lương Thị Thanh Hải						1-5, E701		15/08/2016	16/10/2016				2014
05	1140020				55	Lương Thị Thanh Hải						7-11, E701		15/08/2016	16/10/2016				2014
	1070047	Sáng tác	MUS2012	2	180												MUS2012		
01	1070047				45		7-11, D2							15/08/2016	23/10/2016				2013
02	1070047				45			7-11, D2						15/08/2016	23/10/2016				2013
03	1070047				45					7-11, D2				15/08/2016	23/10/2016				2013
04	1070047				45	Lại Hồng Phong							7-11, D	29/08/2016					2013
	1020013	Sáng tác mẫu vải	FAD2019	2	189														
01	1020013				21	Nguyễn Việt Dũng	1-5, E703							05/09/2016	13/11/2016				2013
02	1020013				21	Lê Phương Anh	1-5, E703							05/09/2016	13/11/2016				2013
03	1020013				21	Trần Việt Hùng	1-5, E703							05/09/2016	13/11/2016				2013
04	1020013				21	Bùi Linh Chi		1-5, E703						05/09/2016	13/11/2016				2013
05	1020013				21	Lê Phương Anh		1-5, E703						05/09/2016	13/11/2016				2013
07	1020013				21	Ng.Thị Bích Liên			7-11, E703					05/09/2016	13/11/2016				2013
08	1020013				21	Bùi Linh Chi			7-11, E703					05/09/2016	13/11/2016				2013
09	1020013				21					7-11, A203				05/09/2016	13/11/2016				2013
10	1020013				21	Lê Thị Lan			7-11, E703					05/09/2016	13/11/2016				2013
	1170004	Sáng tác thiết kế 1	GRD2023	3													1_TKDH_M4		

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1170004				0	Nguyễn Quang Huy	1-2, A		1-2, A					10/10/2016					2016
02	1170004				0	Lê Thị Kim Liên	1-2, A		1-2, A					10/10/2016					2016
03	1170004				0	Nguyễn Thanh Huyền	1-2, A		1-2, A					10/10/2016					2016
05	1170004				0	Nguyễn Hữu Dũng	10-11, A		10-11, A					10/10/2016					2016
06	1170004				0	Nguyễn Thanh Huyền	10-11, A		10-11, A					10/10/2016					2016
07	1170004				0	Quách Thị Ngọc An	10-11, A		10-11, A					10/10/2016					2016
09	1170004				0	Nguyễn Xuân Tám				1-2, A		1-2, A		10/10/2016					2016
10	1170004				0	Trần Anh Sơn				1-2, A		1-2, A		10/10/2016					2016
11	1170004				0	Nguyễn Quang Trung				1-2, A		1-2, A		10/10/2016					2016
12	1170004				0	Lê Đức Tùng				10-11, A		10-11, A		10/10/2016					2016
13	1170004				0	Vũ Xuân Hiền				10-11, A		10-11, A		10/10/2016					2016
14	1170004				0	Lê Quang				10-11, A		10-11, A		10/10/2016					2016
15	1170004				0	Nguyễn Thị Hải Yến				10-11, A		10-11, A		10/10/2016					2016
	1170028	Sáng tác thiết kế 3	GRD2025	3	240												3_TKĐH_TH		
01	1170028				16	Nguyễn Đức Lân	3-4, C		3-4, C					22/08/2016	04/12/2016				2015
02	1170028				16	Nông Thị Thu Trang	3-4, C		3-4, C					22/08/2016	04/12/2016				2015
03	1170028				16	Lê Đức Tùng	3-4, C		3-4, C					22/08/2016	04/12/2016				2015
04	1170028				16	Nguyễn Xuân Giáp							7-11, C	22/08/2016	04/12/2016				2015
05	1170028				16	Vũ Xuân Hiền	9-10, C		9-10, C					22/08/2016	04/12/2016				2015
06	1170028				16	Lê Đức Tùng	9-10, C		9-10, C					22/08/2016	04/12/2016				2015
07	1170028				16	Nguyễn Hồng Sơn	9-10, C		9-10, C					22/08/2016	04/12/2016				2015
08	1170028				16	Nông Thị Thu Trang							7-11, C	22/08/2016	04/12/2016				2015
09	1170028				16	Vũ Xuân Hiền							7-11, C	22/08/2016	04/12/2016				2015
10	1170028				16	Nguyễn Hữu Dũng							7-11, C	22/08/2016	04/12/2016				2015
11	1170028				16	Nguyễn Xuân Giáp				3-4, C		3-4, C		22/08/2016	04/12/2016				2015
12	1170028				16	Nguyễn Thành Sơn				3-4, C		3-4, C		22/08/2016	04/12/2016				2015
13	1170028				16	Hoàng Xuân Trường				9-10, C		9-10, C		22/08/2016	04/12/2016				2015
14	1170028				16	Nguyễn Hồng Sơn				9-10, C		9-10, C		22/08/2016	04/12/2016				2015
15	1170028				16	Ng.Duy Quốc Tuấn				9-10, C		9-10, C		22/08/2016	04/12/2016				2015
	1170030	Sáng tác thiết kế 5	GRD2027	4	578												7_TKĐH_TH		
01	1170030				17	Nguyễn Lê Mai	3-5, E		3-5, E					22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
02	1170030				17	Lò Mai Trang	3-5, E		3-5, E					22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
03	1170030				17	Tổng Việt Anh	3-5, E		3-5, E					22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
04	1170030				17	Nguyễn Trần Thế Hiệp	3-5, E		3-5, E					22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
05	1170030				17	Phạm Phương Linh	9-11, E		9-11, E					22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
06	1170030				17	Vũ Minh Hoàng	9-11, E		9-11, E					22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
07	1170030				17	Ng.Hoài Phương Anh	9-11, E		9-11, E					22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
08	1170030				17	Yến Văn Hòa	9-11, E		9-11, E					22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
09	1170030				17	Phạm Thị Hoa	9-11, E		9-11, E					22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
10	1170030				17	Nguyễn Văn Hiến				3-5, E		3-5, E		22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
11	1170030				17	Nguyễn Quang Huy				3-5, E		3-5, E		22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
12	1170030				17	Nguyễn Trần Thế Hiệp				3-5, E		3-5, E		22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
13	1170030				17	Nguyễn Thị Hải Yến				3-5, E		3-5, E		22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
14	1170030				17	Lê Huy Thục				3-5, E		3-5, E		22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
15	1170030				17	Phạm Hùng Cường				9-11, E		9-11, E		22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
16	1170030				17	Nguyễn Quang Huy				9-11, E		9-11, E		22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
17	1170030				17	Vũ Minh Hoàng				9-11, E		9-11, E		22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013
18	1170030				17	Nguyễn Thị Hải Yến				9-11, E		9-11, E		22/08/2016	04/12/2016	K5 DH			2013

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
21	1170030				17	Nguyễn Đức Lân	3-4, C		3-4, C					15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
22	1170030				17	Nguyễn Thị Hải Yến	3-4, C		3-4, C					15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
24	1170030				17	Lò Mai Trang	3-4, C		3-4, C					15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
25	1170030				17	Phạm Phương Linh	9-10, C		9-10, C					15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
26	1170030				17	Ng.Hoài Phương Anh	9-10, C		9-10, C					15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
27	1170030				17	Vũ Xuân Hiền	9-10, C		9-10, C					15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
28	1170030				17	Nguyễn Doãn Sơn	9-10, C		9-10, C					15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
29	1170030				17	Nguyễn Lê Mai				3-4, C		3-4, C		15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
30	1170030				17	Nguyễn Trần Thế Hiệp				3-4, C		3-4, C		15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
31	1170030				17	Nguyễn Hữu Dũng				3-4, C		3-4, C		15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
32	1170030				17	Vũ Xuân Hiền				3-4, C		3-4, C		15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
33	1170030				17	Nguyễn Quang Huy				9-10, C		9-10, C		15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
34	1170030				17	Nguyễn Đức Lân				9-10, C		9-10, C		15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
35	1170030				17	Ng.Hoài Phương Anh				9-10, C		9-10, C		15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
36	1170030				17	Vũ Minh Hoàng				9-10, C		9-10, C		15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
37	1170030				17	Nguyễn Quang Trung				9-10, C		9-10, C		15/08/2016	11/12/2016	K6 DH			2014
	1140028	Sinh lý học trẻ em	PPE2012	2	30												1*		
01	1140028				30	Nguyễn Thị Lan				1-5, E401				10/10/2016	04/12/2016	sau PPe2016			2014
	1140001	Tâm lý học	PPE2001	3													1*		
04	1140001				0	Nguyễn Thị Duyên							1-5, Lop Rieng			Lop rieng			2013
	1090047	Tâm lý học	PPE2001	3													PPE2001		
03	1090047				0	.								06/08/2016	11/08/2016	TC AN MT Nghe an			2016
	1140009	Tâm lý học đại cương	PPE2007	2	150												1* 3_TAMLY_TK TT		
01	1140009				75	Nguyễn Hương Giang		1-5, E401						15/08/2016	16/10/2016				2015
02	1140009				75	Nguyễn Thị Duyên					1-5, E701			15/08/2016	16/10/2016				2015
	1140006	Tâm lý học Nghệ thuật	PPE2004	2	50												2* Tam_ly giao duc		
01	1140006				50	Nguyễn Mai Hương							7-11, E507	19/09/2016	13/11/2016				2015
	1090082	Tâm lý học nghệ thuật	PPE2004	2													PPE2004		
01	1090082				0	.								15/06/2016	17/06/2016	CD MT Nghe an			2016
	1140008	Tâm lý học quản lý văn hóa nghệ thuật	PPE2006	5													1* 3_QLVH_M3		
01	1140008				0														2013
	1140033	Tâm lý học quản lý văn hóa nghệ thuật	PPE2006	3	65												1* PPE2006_2014		
01	1140033				65	Lê Thị Lệ Hương				7-11, E507				15/08/2016	20/11/2016				2015
02	1140033				0	Lê Thị Lệ Hương							7-11, E507			Lop rieng			2013
	1140034	Tâm lý học quản lý văn hóa nghệ thuật	PPE2127	2													PPE2028 LT dùng cho lien thong		
01	1140034				0	Nguyễn Thị Duyên				1-5, E505				12/09/2016					2016
	1140010	Tâm lý học tiêu dùng	PPE2005	2	225												2* PPE2005		
01	1140010				75	Nguyễn Thị Duyên		7-11, E701						15/08/2016	16/10/2016				2015
02	1140010				75	Nguyễn Thị Duyên				7-11, E301				15/08/2016	16/10/2016				2015
03	1140010				75	Nguyễn Thị Duyên					7-11, E701			15/08/2016	16/10/2016				2015
	1020028	Tạo mẫu trang phục 1	FAD2024	3	188														

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
01	1020028				20	Ng.Thị Minh Ngọc	1-5, A303							15/08/2016	11/12/2016				2015
02	1020028				20	Nguyễn Minh Nguyệt	1-5, A303							15/08/2016	11/12/2016				2015
03	1020028				20	Lê Nguyễn Kiều Trang	7-11, A303							15/08/2016	11/12/2016				2015
04	1020028				20	Lê Thị Hồng Quyên	7-11, A303							15/08/2016	11/12/2016				2015
05	1020028				18	Nguyễn Việt Dũng			1-5, A303					15/08/2016	11/12/2016				2015
06	1020028				18	Bùi Linh Chi					1-5, A204			15/08/2016	11/12/2016				2015
07	1020028				18	Trần Việt Hùng				7-11, A303				15/08/2016	11/12/2016				2015
08	1020028				18	Ng.Thị Bích Liên				7-11, A303				15/08/2016	11/12/2016				2015
09	1020028				18	Đinh Thị Thu Hà				1-5, A303				15/08/2016	11/12/2016				2015
10	1020028				18	Nguyễn Huyền Trang				1-5, A303				15/08/2016	11/12/2016				2015
	1080156	Tạo mẫu trang phục 2	FAD2025	3													4_TKTT_M4 (xem lại CT		
01	1080156				0	Hoàng Thị Oanh							7-11, Khoa			Lop riêng			2013
	1080157	Tạo mẫu trang phục 3	FAD2026	3	190												5_TKTT_M4		
01	1080157				19	Ng.Thị Minh Ngọc		1-5, A303						05/09/2016	11/12/2016				2014
02	1080157				19	Lê Thị Hồng Quyên		1-5, A303						05/09/2016	11/12/2016				2014
03	1080157				19	Bùi Linh Chi						1-5, A303		05/09/2016	11/12/2016				2014
04	1080157				19			7-11, A204						05/09/2016	11/12/2016				2014
05	1080157				19	Đinh Thị Thu Hà		7-11, A204						05/09/2016	11/12/2016				2014
06	1080157				19	Lê Phương Anh					1-5, E703			05/09/2016	11/12/2016				2014
07	1080157				19	Nguyễn Huyền Trang					1-5, E703			05/09/2016	11/12/2016				2014
08	1080157				19	Nguyễn Việt Dũng			7-11, A303					05/09/2016	11/12/2016				2014
09	1080157				19	Ng.Thị Bích Liên					7-11, E703			05/09/2016	11/12/2016				2014
10	1080157				19	Đỗ Thu Huyền					7-11, E703			05/09/2016	11/12/2016				2014
	1020006	Tạo mẫu trang phục 4	FAD2027	3															
11	1020006				0	Hoàng Thị Oanh							7-11, L.rieng			Lop riêng			2013
	1020014	Tạo mẫu trang phục 5	FAD2028	3	189														
01	1020014				21	Ng.Thị Bích Liên			1-5, E703					05/09/2016	11/12/2016				2013
02	1020014				21	Lê Thị Hồng Quyên			1-5, E703					05/09/2016	11/12/2016				2013
03	1020014				21	Hoàng Thị Oanh			1-5, E703					05/09/2016	11/12/2016				2013
04	1020014				0	Lê Phương Anh							7-11, L.rieng			Lop riêng			2013
05	1020014				21					1-5, A203				05/09/2016	11/12/2016				2013
06	1020014				21	Hoàng Thị Oanh				1-5, A203				05/09/2016	11/12/2016				2013
07	1020014				21						1-5, A303			05/09/2016	11/12/2016				2013
08	1020014				21						1-5, A303			05/09/2016	11/12/2016				2013
09	1020014				21						7-11, A303			05/09/2016	11/12/2016				2013
10	1020014				21						7-11, A303			05/09/2016	11/12/2016				2013
	1170015	Thảm mỹ công nghiệp	GRD2010	2	320												_TKDH_M3_T C		
01	1170015				80			1-5, E						15/08/2016	25/09/2016				2013
02	1170015				80			7-11, E						15/08/2016	25/09/2016				2013
03	1170015				80						1-5, E			15/08/2016	25/09/2016				2013
04	1170015				80						7-11, E			15/08/2016	25/09/2016				2013
	1100005	Thanh nhạc 1	*VMU2002	1													SPAN		
01	1100005				0	Trần Mai Tuyết	1-2, TN							16/05/2016	09/06/2016	lop cap toc			2013
	1100062	Thanh nhạc 1.1	VMU2004	1	99												1_ Thanh nhạc		
01	1100062				2		1-2, D		7-8, D					05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
02	1100062				2		7-8, D			7-8, D				05/09/2016		chuyen ve			2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1100062				5		7-8, D			7-8, D				05/09/2016		ma 94			2016
03	1100062				5		7-8, D				1-2, D			05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
04	1100062				8		1-2, D			7-8, D				05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
05	1100062				7				1-2, D			1-2, D		05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
06	1100062				7		7-8, D			7-8, D				05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
07	1100062				2					7-8, D		1-2, D		05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
08	1100062				7					7-8, D	1-2, D			05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
09	1100062				7		7-8, D			1-2, D				05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
10	1100062				3				7-8, D		1-2, D			05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
11	1100062				6		7-8, D				1-2, D			05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
12	1100062				6		1-2, D			7-8, D				05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
13	1100062				6		1-2, D				1-2, D			05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
14	1100062				3		1-2, D		7-8, D					05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
15	1100062				6		1-2, D		7-8, D					05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
16	1100062				5		1-2, D		7-8, D					05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
17	1100062				5		1-2, D		7-8, D					05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
18	1100062				2				7-8, D			1-2, D		05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
19	1100062				7		7-8, D			7-8, D				05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
20	1100062				2		7-8, D			7-8, D				05/09/2016		chuyen ve ma 94			2016
	1100094	Thanh nhạc 1.1	VMU2004	1													2017		
01	1100094				0	Trần Mai Tuyết	1-2, D		7-8, D					05/09/2016		Chuye ma 62 về			2016
02	1100094				0	Đỗ Hương Giang	7-8, D			7-8, D				05/09/2016		Chuye ma 62 về			2016
03	1100094				0	Lê Thị Út	7-8, D				1-2, D			05/09/2016		Chuye ma 62 về			2016
04	1100094				0	Viên Thị Hường	1-2, D			7-8, D				05/09/2016		Chuye ma 62 về			2016
05	1100094				0	Đặng Thị Loan			1-2, D			1-2, D		05/09/2016		Chuye ma 62 về			2016
06	1100094				0	Chu Thị Hoài Phương	7-8, D			7-8, D				05/09/2016		Chuye ma 62 về			2016
07	1100094				0	Giáp Văn Thịnh				7-8, D		1-2, D		05/09/2016		Chuye ma 62 về			2016
08	1100094				0	Lê Thị Tinh				7-8, D	1-2, D			05/09/2016		Chuye ma 62 về			2016
09	1100094				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7-8, D			1-2, D				05/09/2016		Chuye ma 62 về			2016
10	1100094				0	Trần Thị Thanh Quý			7-8, D		1-2, D			05/09/2016		Chuye ma 62 về			2016
11	1100094				0	Nguyễn Mai Hương	7-8, D				1-2, D			05/09/2016		Chuye ma 62 về			2016
12	1100094				0	Lê Minh Tuyền	1-2, D			7-8, D				05/09/2016		Chuye ma 62 về			2016
13	1100094				0	Đào Thị Trang	1-2, D				1-2, D			05/09/2016		Chuye ma			2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
13	1100094				0	Đoàn Thủy Trang	1-2, D				1-2, D			05/09/2016		62 về			2016
14	1100094				0	Trịnh Thị Oanh	1-2, D		7-8, D					05/09/2016		Chuyên ma 62 về			2016
15	1100094				0	Đàm Minh Hưng	1-2, D		7-8, D					05/09/2016		Chuyên ma 62 về			2016
16	1100094				0	Nguyễn Chí Công	1-2, D		7-8, D					05/09/2016		Chuyên ma 62 về			2016
17	1100094				0	Hoàng Quốc Tuấn	1-2, D		7-8, D					05/09/2016		Chuyên ma 62 về			2016
18	1100094				0	Đào Tiến Lợi			7-8, D			1-2, D		05/09/2016		Chuyên ma 62 về			2016
19	1100094				0	Phan Thu Lan	7-8, D			7-8, D				05/09/2016		Chuyên ma 62 về			2016
20	1100094				0	Đoàn Thủy Trang	7-8, D			7-8, D				05/09/2016		Chuyên ma 62 về			2016
	1100063	Thanh nhạc 1.2	VMU2004	1													2_ Thanh nhạc		
01	1100063				0	Trần Mai Tuyết	1-2, TN							15/08/2016	27/11/2016				2015
	1100044	Thanh nhạc 1A	VMU2002*	0	232												1_SPAN		
01	1100044				0	Trần Thị Thảo	13-14, D							15/08/2016		học lại			2014
02	1100044				12	Nguyễn Thanh Duyên		1-2, D						05/09/2016					2016
03	1100044				12	Nguyễn Thúy Hà		1-2, D						05/09/2016					2016
04	1100044				12	Nguyễn Phương Thảo		1-2, D						05/09/2016					2016
05	1100044				12	Nguyễn Thị Huyền		1-2, D						05/09/2016					2016
06	1100044				12	Đinh Thị Hải Yến			1-2, D					05/09/2016					2016
07	1100044				12	Nguyễn Thị Huyền			1-2, D					05/09/2016					2016
08	1100044				12	Vũ Thanh Thủy			1-2, D					05/09/2016					2016
09	1100044				12	Bùi Thanh Tuyền			1-2, D					05/09/2016					2016
10	1100044				12	Trần Tân Phương			1-2, D					05/09/2016					2016
11	1100044				12	Trần Thị Thảo			1-2, D					05/09/2016					2016
14	1100044				12	Trần Tân Phương						1-2, D		05/09/2016					2016
15	1100044				12	Vũ Thanh Thủy						1-2, D		05/09/2016					2016
16	1100044				12	Đinh Thị Hải Yến						1-2, D		05/09/2016					2016
17	1100044				12	Ngô Quốc Khánh						1-2, D		05/09/2016					2016
18	1100044				12	Phạm Bích Ngọc						1-2, D		05/09/2016					2016
19	1100044				12	Nguyễn Thanh Duyên						1-2, D		05/09/2016					2016
20	1100044				10	Nguyễn Phương Thảo						7-8, D		05/09/2016					2016
21	1100044				10	Đào Thị Khánh Chi						7-8, D		05/09/2016					2016
22	1100044				10	Hà Thị Lý						7-8, D		05/09/2016					2016
23	1100044				10	Phạm Thị Thu Trang						7-8, D		05/09/2016					2016
	1100075	Thanh nhạc 2	*VMU1018	1													SP CD		
01	1100075				0	Trần Thị Thảo			7-9, TN					15/08/2016	27/11/2016				2013
	1100067	Thanh nhạc 2 A	VMU2003*	0	231												3_SPAN		
01	1100067				11	Nguyễn Thanh Duyên	1-2, D							15/08/2016					2015
02	1100067				11	Nguyễn Thị Nga	1-2, D							15/08/2016					2015
03	1100067				11	Ngân Thị Thương	1-2, D							15/08/2016					2015
04	1100067				11	Đào Tiến Lợi	1-2, D							15/08/2016					2015
05	1100067				11	Ngô Quốc Khánh	7-8, D							15/08/2016					2015
06	1100067				11	Nguyễn Chí Công	7-8, D							15/08/2016					2015
07	1100067				11	Nguyễn Thúy Hà	7-8, D							15/08/2016					2015
08	1100067				11	Đoàn Thủy Trang	7-8, D							15/08/2016					2015
09	1100067				11	Vũ Thanh Thủy	7-8, D							15/08/2016					2015

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
10	1100067				11	Trần Thị Thảo		1-2, D						15/08/2016					2015
11	1100067				11	Đàm Minh Hưng		1-2, D						15/08/2016					2015
12	1100067				11	Ngô Quốc Khánh		2-3, D						15/08/2016					2015
13	1100067				11	Nguyễn Chí Công		1-2, D						15/08/2016					2015
14	1100067				11	Bùi Thanh Tuyền		7-8, D						15/08/2016					2015
15	1100067				11	Phạm Thị Thu Trang		7-8, D						15/08/2016					2015
17	1100067				11	Nguyễn Thu Hằng		7-8, D						15/08/2016					2015
18	1100067				11	Trần Thị Thảo				1-2, D				15/08/2016					2015
19	1100067				11	Đào Thị Khánh Chi				1-2, D				15/08/2016					2015
20	1100067				11	Hoàng Quốc Tuấn				1-2, D				15/08/2016					2015
21	1100067				11	Nguyễn Phương Thảo				1-2, D				15/08/2016					2015
22	1100067				11	Nguyễn Thị Nga				1-2, D				15/08/2016					2015
	1100040	Thanh nhạc 2.1	VMU2005	1													DH TN		
01	1100040				0	Đặng Thị Loan		1-2, TN		1-2, TN				15/08/2016					2015
02	1100040				0	Lê Minh Tuyền		7-8, TN				1-2, TN		15/08/2016					2015
04	1100040				0	Chu Thị Hoài Phương		1-2, TN		1-2, TN				15/08/2016					2015
05	1100040				0	Viên Thị Hường		1-2, TN		1-2, TN				15/08/2016					2015
06	1100040				0	Lê Thị Út		1-2, TN		1-2, TN				15/08/2016					2015
07	1100040				0	Phan Thu Lan		1-2, TN			1-2, TN			15/08/2016					2015
08	1100040				0	Trịnh Thị Oanh		7-8, TN			1-2, TN			15/08/2016					2015
09	1100040				0	Đỗ Hương Giang			1-2, TN		1-2, TN			15/08/2016					2015
10	1100040				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		7-8, TN				1-2, TN		15/08/2016					2015
11	1100040				0	Nguyễn Mai Hương		7-8, TN				1-2, TN		15/08/2016					2015
12	1100040				0	Trần Mai Tuyết		7-8, TN				1-2, TN		15/08/2016					2015
13	1100040				0	Giáp Văn Thịnh		7-8, TN				1-2, TN		15/08/2016					2015
14	1100040				0	Trần Thị Thanh Quý		7-8, TN				1-2, TN		15/08/2016					2015
15	1100040				0	Đặng Thị Loan			1-2, TN		1-2, TN			15/08/2016					2015
16	1100040				0	Phan Thu Lan			1-2, TN		1-2, TN			15/08/2016					2015
17	1100040				0	Đào Tiến Lợi			1-2, TN		1-2, TN			15/08/2016					2015
18	1100040				0	Giáp Văn Thịnh		1-2, TN		1-2, TN				15/08/2016					2015
19	1100040				0	Chu Thị Hoài Phương			1-2, TN		1-2, TN			15/08/2016					2015
21	1100040				0	Lê Thị Tinh				1-2, TN		1-2, TN		15/08/2016					2015
22	1100040				0	Lê Thị Tinh			1-2, TN		1-2, TN			15/08/2016					2015
23	1100040				0	Trần Thị Thanh Quý			1-2, TN		1-2, TN			15/08/2016					2015
24	1100040				0	Hoàng Quốc Tuấn		7-8, TN				1-2, TN		15/08/2016					2015
25	1100040				0	Nguyễn Chí Công		1-2, TN		1-2, TN				15/08/2016					2015
	1100041	Thanh nhạc 2.2	VMU2005	1													8_TN_M4		
24	1100041				0	Trần Mai Tuyết							7-9, Lop riêng			Lop riêng			2013
	1100078	Thanh nhạc 2A	VMU1018*	0	20												3_CDAN		
01	1100078				10							1-2, D		15/08/2016					2015
02	1100078				10	Nguyễn Phương Thảo						1-2, D		15/08/2016					2015
	1090040	Thanh nhạc 3	*VMU2018	1													*VMU2018		
03	1090040				0	.								25/06/2016	30/06/2016	TC CD AN Nghe an			2016
04	1090040				0														2016
	1100018	Thanh nhạc 3	VMI1019	1													CĐ SP		
02	1100018				0	Đinh Thị Hải Yến			7-8, TN					15/08/2016					2014
03	1100018				0	Bùi Thanh Tuyền			7-8, TN					15/08/2016					2014

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1100009	Thanh nhạc 3	*VMU2018	1													SPAN		
01	1100009				0	Trần Mai Tuyết							7-9, Lop riêng			Lop riêng			2013
	1100071	Thanh nhạc 3 A	VMU2018*	0	12												5_SPAN		
02	1100071				0	Nguyễn Thị Huyền				7-8, TN				15/08/2016					2014
03	1100071				0	Nguyễn Chí Công				7-8, TN				15/08/2016					2014
04	1100071				0	Đàm Minh Hưng				7-8, TN				15/08/2016					2014
05	1100071				0	Ngân Thị Thương				1-2, TN				15/08/2016					2014
06	1100071				0	Đào Thị Khánh Chi				1-2, TN				15/08/2016					2014
07	1100071				0	Hà Thị Lý				1-2, TN				15/08/2016					2014
08	1100071				0	Nguyễn Thúy Hà				1-2, TN				15/08/2016					2014
09	1100071				0	Hà Thị Lý	1-2, TN							15/08/2016					2014
10	1100071				0	Đào Thị Khánh Chi	1-2, TN							15/08/2016					2014
11	1100071				0	Phạm Thị Thu Trang	1-2, TN							15/08/2016					2014
12	1100071				0	Đặng Thị Lan	1-2, TN							15/08/2016					2014
13	1100071				0	Ngô Quốc Khánh	7-8, TN							15/08/2016					2014
14	1100071				0	Trần Thị Thảo	7-8, TN							15/08/2016					2014
15	1100071				0	Hoàng Quốc Tuấn	7-8, TN							15/08/2016					2014
17	1100071				0	Nguyễn Thị Nga					7-8, TN			15/08/2016					2014
18	1100071				0	Nguyễn Thanh Duyên					7-8, TN			15/08/2016					2014
19	1100071				0	Bùi Thanh Tuyền					7-8, TN			15/08/2016					2014
20	1100071				0	Đoàn Thúy Trang			7-8, TN					15/08/2016					2014
21	1100071				0	Ngân Thị Thương			7-8, TN					15/08/2016					2014
22	1100071				0	Trần Mai Tuyết	13-14, H.lai							15/08/2016		Hoc lai			2014
23	1100071				0	Trần Thị Thảo	13-14, H.lai							15/08/2016					2014
24	1100071				0	Trần Mai Tuyết							17-18, Ncao	15/08/2016					2014
25	1100071				12	Đặng Thị Lan						1-2, D		05/09/2016		LT K8			2016
	1100052	Thanh nhạc 3.1	VMU2006	1													TN		
01	1100052				0	Trần Thị Thanh Quý			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
02	1100052				0	Nguyễn Tuấn Anh			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
03	1100052				0	Trịnh Thị Oanh			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
04	1100052				0	Chu Thị Hoài Phương			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
05	1100052				0	Lê Thị Út			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
06	1100052				0	Đặng Thị Loan			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
07	1100052				0	Nguyễn Thị Ngọc Ánh			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
08	1100052				0	Viên Thị Hường			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
09	1100052				0	Đỗ Hương Giang			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
10	1100052				0	Đào Tiến Lợi			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
11	1100052				0	Giáp Văn Thịnh			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
12	1100052				0	Trần Mai Tuyết			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
13	1100052				0	Lê Thị Tình			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
14	1100052				0	Lê Minh Tuyền			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
15	1100052				0	Trần Thị Thanh Quý			1-2, TN		7-8, TN			15/08/2016					2014
	1100056	Thanh nhạc 3.2	VMU2006	1													TN		
01	1100056				0	Trần Mai Tuyết			13-17, TN							lop hoc lai			2014
02	1100056				0	Đỗ Hương Giang		1-2, TN		1-2, TN						lop hoc lai			2014
	1100010	Thanh nhạc 4	VMU2019	1													SPAN		
01	1100010				0	Phạm Thị Thu Trang			7-8, C408					15/08/2016	27/11/2016				2013
02	1100010				0	Đào Thị Khánh Chi			7-8, C307					15/08/2016	27/11/2016				2013

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1100010				0	Vũ Thanh Thủy			7-8, C407					15/08/2016	27/11/2016				2013
04	1100010				0	Hà Thị Lý			7-8, C305					15/08/2016	27/11/2016				2013
05	1100010				0	Trần Thị Thảo		7-8, D301						15/08/2016	27/11/2016				2013
06	1100010				0	Nguyễn Thị Nga		7-8, C408						15/08/2016	27/11/2016				2013
08	1100010				0	Hoàng Quốc Tuấn		7-8, C307						15/08/2016	27/11/2016				2013
09	1100010				0	Phạm Thị Thu Trang							3-4, TN	15/08/2016		K1LT			2015
10	1100010				0	Nguyễn Phương Thảo				7-8, C407				15/08/2016	27/11/2016				2013
11	1100010				0	Đoàn Thủy Trang				7-8, C306				15/08/2016	27/11/2016				2013
12	1100010				0	Nguyễn Thu Hằng				7-8, C408				15/08/2016	27/11/2016				2013
14	1100010				0	Nguyễn Chí Công					1-2, C307			15/08/2016	27/11/2016				2013
15	1100010				0	Ngô Quốc Khánh					1-2, C408			15/08/2016	27/11/2016				2013
16	1100010				0	Đàm Minh Hưng					1-2, C407			15/08/2016	27/11/2016				2013
17	1100010				0	Trần Tân Phương					1-2, C306			15/08/2016	27/11/2016				2013
18	1100010				0	Trần Mai Tuyết							17-18, Ncao	15/08/2016	27/11/2016				2013
19	1100010				0	Ngân Thị Thương					7-8, C407			15/08/2016	27/11/2016				2013
20	1100010				0	Trần Tân Phương					7-8, C306			15/08/2016	27/11/2016				2013
21	1100010				0	Hà Thị Lý					7-8, C305			15/08/2016	27/11/2016				2013
22	1100010				0	Đinh Thị Hải Yến					7-8, C408			15/08/2016	27/11/2016				2013
23	1100010				0	Nguyễn Thị Huyền					7-8, C307			15/08/2016	27/11/2016				2013
24	1100010				0	Hoàng Quốc Tuấn							1-2, TN	15/08/2016		K7LT			2015
25	1100010				0	Vũ Thanh Thủy							1-2, TN	15/08/2016		K7LT			2015
26	1100010				0	Nguyễn Thúy Hà							3-4, TN	15/08/2016		K1 LT			2015
	1100088	Thanh nhạc 4.1	VMU2007	1													TN		
01	1100088				0	Trần Mai Tuyết		1-3, D		1-3, D				15/08/2016	27/11/2016				2013
02	1100088				0	Trịnh Thị Oanh		1-3, D		1-3, D				15/08/2016	27/11/2016				2013
03	1100088				0	Đàm Minh Hưng		1-3, D		1-3, D				15/08/2016	27/11/2016				2013
04	1100088				0	Giáp Văn Thịnh		1-3, D		1-3, D				15/08/2016	27/11/2016				2013
05	1100088				0	Tân Nhân		1-3, D		1-3, D				15/08/2016	27/11/2016				2013
06	1100088				0	Đỗ Hương Giang		1-3, D		1-3, D				15/08/2016	27/11/2016				2013
07	1100088				0	Nguyễn Mai Hương		1-3, D		1-3, D				15/08/2016	27/11/2016				2013
08	1100088				0	Đào Tiến Lợi		1-3, D		1-3, D				15/08/2016	27/11/2016				2013
09	1100088				0	Hoàng Quốc Tuấn		1-3, D		1-3, D				15/08/2016	27/11/2016				2013
10	1100088				0	Đặng Thị Loan		1-3, D		1-3, D									2013
	1100057	Thanh nhạc A	VMI1024*	0													CD_K1		
01	1100057				0	Trần Thị Thảo	13-14, H.lai												2014
	1020012	Thiết kế trên Manocanh	FAD2018	2	190														
01	1020012				19	Vũ Mai Hiền		1-5, XM						26/09/2016	27/11/2016				2013
02	1020012				19	Ngô Thị Thủy Thu		1-5, XM						26/09/2016	27/11/2016				2013
03	1020012				19			7-11, XM						26/09/2016	27/11/2016				2013
04	1020012				19			7-11, XM						26/09/2016	27/11/2016				2013
05	1020012				19	Nguyễn Huyền Trang			1-5, XM					26/09/2016	27/11/2016				2013
06	1020012				19	Lưu Ngọc Lan					7-11, XM			26/09/2016	27/11/2016				2013
07	1020012				19	Nguyễn Huyền Trang					7-11, XM			26/09/2016	27/11/2016				2013
08	1020012				19	Đinh Thị Thu Hà					7-11, XM			26/09/2016	27/11/2016				2013
09	1020012				19	Nguyễn Bích Nhung					1-5, XM			26/09/2016	27/11/2016				2013
11	1020012				19					7-11, XM				26/09/2016	27/11/2016				2013
	1020022	Thực hành công nghệ may 1	FAD2011	3	190														
01	1020022				19	Ng.Triều Dương			1-5, XM					15/08/2016	16/10/2016				2015

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
02	1020022				19	Nguyễn Bích Nhung			1-5, XM					15/08/2016	16/10/2016				2015
03	1020022				19	Vũ Mai Hiền			7-11, XM					15/08/2016	16/10/2016				2015
04	1020022				19	Lưu Ngọc Lan			7-11, XM					15/08/2016	16/10/2016				2015
05	1020022				19	Lê Thị Hồng Quyên			7-11, XM					15/08/2016	16/10/2016				2015
06	1020022				19	Vũ Mai Hiền						1-5, XM		15/08/2016	16/10/2016				2015
07	1020022				19							1-5, XM		15/08/2016	16/10/2016				2015
08	1020022				19							1-5, XM		15/08/2016	16/10/2016				2015
09	1020022				19							7-11, XM		15/08/2016	16/10/2016				2015
10	1020022				19							7-11, XM		15/08/2016	16/10/2016				2015
17	1020022				0	Vũ Mai Hiền							1-5, Lop riêng			Lop riêng			2013
	1080144	Thực hành công nghệ may 2	FAD2012	3	171												5_TKTT_M3		
01	1080144				19		1-5, XM							26/09/2016	27/11/2016				2014
02	1080144				0														2013
03	1080144				19	Vũ Mai Hiền					1-5, XM			26/09/2016	27/11/2016				2014
04	1080144				19			1-5, XM						26/09/2016	27/11/2016				2014
05	1080144				19	Nguyễn Huyền Trang		7-11, XM						26/09/2016	27/11/2016				2014
06	1080144				19	Vũ Mai Hiền				7-11, XM				26/09/2016	27/11/2016				2014
07	1080144				19	Đinh Thị Thu Hà				7-11, XM				26/09/2016	27/11/2016				2014
08	1080144				19	Ngô Thị Thủy Thu	7-11, XM							26/09/2016	27/11/2016				2014
10	1080144				19	Nguyễn Bích Nhung				1-5, XM				26/09/2016	27/11/2016				2014
11	1080144				19	Ngô Thị Thủy Thu				1-5, XM				26/09/2016	27/11/2016				2014
	1100055	Thực tập nghề nghiệp 2	VMU2015	6	25												7_TN_M5		
01	1100055				25	Trần Mai Tuyết							7-11, TT	03/10/2016	23/10/2016				2013
	1060074	Thực tập sư phạm 1	FAE2021	2	25												5*FAE2021		
01	1060074				25	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP1	03/10/2016	13/11/2016	LT K7			2015
	1070121	Thực tập sư phạm 1	MUS2046	2													ĐH SP		
01	1070121				0	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP						2015
	1060078	Thực tập sư phạm 2	FAE2022	4	100												6*ĐH		
01	1060078				50	Hoàng Thị Dung							13-14, TTSP	03/10/2016		8A MT			2013
02	1060078				50	Hoàng Thị Dung							13-14, TTSP	03/10/2016		8B MT			2013
	1070122	Thực tập sư phạm 2	MUS2047	4	250												ĐH SP		
01	1070122				50	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	03/10/2016		8A			2013
02	1070122				50	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	03/10/2016		8B			2013
03	1070122				50	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	03/10/2016		8C			2013
04	1070122				50	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	03/10/2016		8D			2013
05	1070122				50	Hoàng Thị Dung							1-5, TTSP	03/10/2016		8E			2013
	1020009	Thực tập tốt nghiệp	FAD2048	4	240														
01	1020009				60	Đinh Thị Thu Hà							1-5, TT			K7A TKTT			2013
02	1020009				60	Lưu Ngọc Lan							1-5, TT			K7B TKTT			2013
03	1020009				60	Vũ Mai Hiền							1-5, TT			K7C TKTT			2013
04	1020009				60	Lưu Ngọc Lan							1-5, TT			K7D TKTT			2013
	1080048	Thực tập tốt nghiệp	CLM2049	3	30												8_QLVH_M5		
03	1080048				30	Nguyễn Thị Thanh Loan							1-5, TT	05/12/2016	30/12/2016	K4 LT			2015
	1020034	Thực tế chuyên môn 1	FAD2045	2	200														
01	1020034				50	Hoàng Thắng							1-5, TT			K9 A			2015
02	1020034				50	Trần Thị Liên							1-5, TT			K9 B			2015

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1020034				50	Nguyễn Việt Dũng							1-5, TT			K9C			2015
04	1020034				50	Tô Kim Nhung							1-5, TT			K 9 D			2015
	1170042	Thực tế chuyên môn 1	GRD2037	2	260												3_TKDH_M5		
01	1170042				65								1-5, TT	16/07/2016	30/07/2016				2015
02	1170042				65								1-5, TT	16/07/2016	30/07/2016				2015
03	1170042				65								1-5, TT	16/07/2016	30/07/2016				2015
04	1170042				65								1-5, TT	16/07/2016	30/07/2016				2015
05	1170042				0								1-5, TT			nhập điểm bổ sung			2015
	1020015	Thực tế chuyên môn 2	FAD2047	2	260														
01	1020015				52	Bùi Linh Chi							1-5, TT	08/08/2016	02/09/2016	K8 A			2014
02	1020015				52	Hoàng Thị Oanh							1-5, TT	08/08/2016	02/09/2016	K8 B			2014
03	1020015				52	Nguyễn Việt Dũng							1-5, TT	08/08/2016	02/09/2016	K8 C			2014
04	1020015				52	Trần Việt Hùng							1-5, TT	08/08/2016	02/09/2016	K8 D			2014
05	1020015				52	Lê Thị Hồng Quyền							1-5, TT	08/08/2016	02/09/2016	K8 E			2014
	1060065	Thực tế chuyên môn 3	FAE2013	2	100												FAE2013		
01	1060065				50	Nguyễn Thị May							9-10, TTCM			9A MT			2014
02	1060065				50	Nguyễn Thị May							9-10, TTCM			9B MT			2014
	1060066	Thực tế chuyên môn 4	FAE2014	2	100												FAE2014		
01	1060066				50	Nguyễn Thị May							15-16, TTCM4	22/08/2016	16/09/2016	8A MT			2013
02	1060066				50	Nguyễn Thị May							15-16, TTCM4	22/08/2016	16/09/2016	8B MT			2013
03	1060066				0	Nguyễn Thị May							9-10, TTCM	22/08/2016	18/09/2016	LT K7			2015
	1040001	Tiếng Anh 1	CFL2001	4	660												1* A1 chung		
01	1040001				55	Trương Tổ Loan	1-5, E502							05/09/2016	18/12/2016				2016
02	1040001				55	Trương Tổ Loan	7-11, E605							05/09/2016	18/12/2016				2016
03	1040001				55	Ngô Thị Hòa		1-5, E302						05/09/2016	18/12/2016				2016
04	1040001				55	Hoàng Thị Thu Hằng		7-11, E401						05/09/2016	18/12/2016				2016
05	1040001				55	Nguyễn Thanh Dung			1-5, E605					05/09/2016	18/12/2016				2016
06	1040001				55	Hoàng Thị Thu Hằng			7-11, E401					05/09/2016	18/12/2016				2016
07	1040001				55	Nguyễn Thanh Dung				1-5, E605				05/09/2016	18/12/2016				2016
08	1040001				55	Hoàng Thị Thu Hằng				7-11, E605				05/09/2016	18/12/2016				2016
09	1040001				55	Nguyễn Thị Ân					1-5, E605			05/09/2016	18/12/2016				2016
10	1040001				55	Đoàn Thị Phương Thùy					7-11, E502			05/09/2016	18/12/2016				2016
11	1040001				55	Phạm Thị Ngọc Bích						1-5, E502		05/09/2016	18/12/2016				2016
12	1040001				55	Ngô Thị Hòa						7-11, E502		05/09/2016	18/12/2016				2016
13	1040001				0	Trịnh Thị Hà							7-11, E502			Lop riêng			2013
	1040003	Tiếng Anh 2	CFL2002	3	60												2* A2 chung		
01	1040003				60	Trương Tổ Loan							1-5, Lop CT	15/08/2016	30/10/2016	Lop Riêng			2015
12	1040003				0	Trịnh Thị Hà							1-5, lop CT	01/12/2016	15/12/2016	Lop Riêng			2015
	1040014	Tiếng Anh chuyên ngành (AN)	CFL2005	2	240												3* \Am nhạc		
01	1040014				60	Nguyễn Thị Ân	7-11, E302							15/08/2016	25/09/2016				2015
03	1040014				60	Nguyễn Thị Ân		7-11, E502						15/08/2016	25/09/2016				2015
05	1040014				60	Nguyễn Thị Ân				1-5, E502				15/08/2016	25/09/2016				2015
06	1040014				60	Phạm Thị Ngọc Bích					1-5, E502			15/08/2016	25/09/2016				2015
	1040006	Tiếng Anh chuyên ngành (QLVH)	CFL2007	2	130												3* QLVH		
01	1040006				65	Đoàn Thị Phương Thùy	7-11, E502							15/08/2016	25/09/2016				2013
02	1040006				65	Đoàn Thị Phương Thùy			7-11, E502					15/08/2016	25/09/2016				2013
03	1040006				0	Trịnh Thị Hà							7-11, L.rieng			Lop riêng			2013

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
04	1040006				0								7-11, L.rieng			Lop rieng			2013
	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành (TKDH)	CFL2004	2	325												3* 7_TKDH_M4		
01	1040007				65	Đinh Phương Hoa		7-11, E302						15/08/2016	06/11/2016				2013
02	1040007				65	Đoàn Thị Phương Thùy				1-5, E302				15/08/2016	06/11/2016				2013
03	1040007				65	Phạm Thị Lý				7-11, E302				15/08/2016	06/11/2016				2013
04	1040007				65	Trịnh Thị Hà					1-5, E302			15/08/2016	06/11/2016				2013
05	1040007				65	Phạm Thị Lý					7-11, E302			15/08/2016	06/11/2016				2013
	1040009	Tiếng Anh chuyên ngành (TKTT)	CFL2006	2	195												3* TKTT		
01	1040009				65	Nguyễn Thị Ân	1-5, E302							15/08/2016	25/09/2016				2015
02	1040009				65	Nguyễn Thanh Dung			7-11, E302					15/08/2016	25/09/2016				2015
03	1040009				65	Nguyễn Thanh Dung				7-11, E502				15/08/2016	25/09/2016				2015
	1080107	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 1	CLM2070	3															
01	1080107				0	Trần Thị Phương Thảo		1-5, NA402						05/09/2016					2016
	1080110	Tiếng nói trong kịch - điện ảnh 3	CLM2072	3	20														
01	1080110				20						1-5, NA402			15/08/2016	23/10/2016				2015
	1040017	Tiếng Việt thực hành	CFL2008	2													1* CFL2008_2015		
01	1040017				0	Lê Thị Mỹ Hạnh				7-11, E402				31/10/2016	25/12/2016	SPMT			2016
	1090039	Tiếng Việt thực hành	CFL2008	2													CFL2008		
01	1090039				0	.								12/06/2016	15/06/2016	CD MT Nghe an			2016
	1080002	Tin học chuyên ngành	CLM2005	2													6_QLVH_M1		
01	1080002				0	Lương Minh Tân					1-5, C31			05/09/2016					2016
05	1080002				0	Lê Mạnh Hùng							7-11, Lop rieng			Lop rieng			2013
	1070033	Tin học chuyên ngành	MUS2001	2	160												MUS2001		
02	1070033				40	Lương Minh Tân	7-11, C31							10/10/2016	04/12/2016				2014
05	1070033				40	Lương Minh Tân				7-11, C31				10/10/2016	04/12/2016				2014
06	1070033				40	Nguyễn Khải					1-5, C32			10/10/2016	04/12/2016				2014
07	1070033				40	Nguyễn Khải						7-11, C31		05/09/2016					2016
	1090010	Tin học chuyên ngành	MUS2001	2													MUS2001		
02	1090010				0	.								17/02/2017	19/02/2017	TC CD SON TAY			2016
04	1090010				0	.								22/06/2016	24/06/2016	TC CD AN Nghe an			2016
05	1090010				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Đa nang 15			2015
	1170026	Tin học chuyên ngành 2	GRD2021	3	289												5_TKDH_M4		
01	1170026				17		1-5, E406		1-5, E406					15/08/2016	09/10/2016				2014
02	1170026				17		1-5, E406		1-5, E406					15/08/2016	09/10/2016				2014
03	1170026				17	Nguyễn Duy Hùng	1-5, E406		1-5, E406					15/08/2016	09/10/2016				2014
04	1170026				17		1-5, E406		1-5, E406					15/08/2016	09/10/2016				2014
05	1170026				17		7-11, E406		7-11, E406					15/08/2016	09/10/2016				2014
06	1170026				17		7-11, E406		7-11, E406					15/08/2016	09/10/2016				2014
07	1170026				17		7-11, E406		7-11, E406					15/08/2016	09/10/2016				2014
08	1170026				17		7-11, E406		7-11, E406					15/08/2016	09/10/2016				2014
09	1170026				17			1-5, E406		1-5, E406				15/08/2016	09/10/2016				2014
10	1170026				17			1-5, E406		1-5, E406				15/08/2016	09/10/2016				2014
11	1170026				17	Nguyễn Duy Hùng		1-5, E406		1-5, E406				15/08/2016	09/10/2016				2014
12	1170026				17			1-5, E406		1-5, E406				15/08/2016	09/10/2016				2014

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
13	1170026				17			7-11, E406		7-11, E406				15/08/2016	09/10/2016				2014
14	1170026				17			7-11, E406		7-11, E406				15/08/2016	09/10/2016				2014
15	1170026				17			7-11, E406		7-11, E406				15/08/2016	09/10/2016				2014
16	1170026				17			7-11, E406		7-11, E406				15/08/2016	09/10/2016				2014
17	1170026				17			7-11, E406		7-11, E406				15/08/2016	09/10/2016				2014
	1090027	Tin học chuyên ngành Corel Draw và Photoshop	BFA2004	2													BFA2004		
01	1090027				0	.								01/04/2017	09/04/2017	VD MT			2015
	1110022	Tin học chuyên ngành: Adobe Illustrator CS6	BFA2006	2	119												3* MTCS_K8_SP MT		
01	1110022				17	Nguyễn Hải Kiên							1-5, C32	19/09/2016					2013
02	1110022				17	Trang Tổ Uyên							1-5, C31	19/09/2016					2013
03	1110022				17	Nguyễn Hải Kiên							7-11, C32	19/09/2016					2013
04	1110022				17	Nguyễn Hải Kiên							1-5, C32	19/09/2016					2013
05	1110022				17	Trang Tổ Uyên							1-5, C31	19/09/2016					2013
06	1110022				17	Nguyễn Hải Kiên							7-11, C32	19/09/2016					2013
07	1110022				17	Trang Tổ Uyên							7-11, C31	19/09/2016					2013
	1040002	Tin học cơ bản	INF2001	2	360												1* 1_m.chung_M1		
01	1040002				45	Vũ Việt Hoàng		1-5, C32						15/08/2016	09/10/2016				2015
02	1040002				45	Dương Thanh Long		7-11, C32						15/08/2016	09/10/2016				2015
03	1040002				45	Trần Danh Toàn			7-11, C32					15/08/2016	09/10/2016				2015
04	1040002				45	Lê Mạnh Hùng				7-11, C32				15/08/2016	09/10/2016				2015
05	1040002				45	Vũ Việt Hoàng						1-5, C32		15/08/2016	09/10/2016				2015
06	1040002				45	Nguyễn Khắc Huân						1-5, C32		10/10/2016	04/12/2016				2015
07	1040002				45	Dương Thanh Long						7-11, C32		15/08/2016	09/10/2016				2015
08	1040002				45	Nguyễn Khắc Huân						7-11, C32		10/10/2016	04/12/2016				2015
11	1040002				0	Bùi Ngọc Hưng	1-5, C32							05/09/2016	30/10/2016				2016
12	1040002				0	Lê Mạnh Hùng			1-5, C32					05/09/2016	30/10/2016				2016
13	1040002				0	Vũ Việt Hoàng				1-5, C32				05/09/2016	30/10/2016				2016
14	1040002				0	Dương Thanh Long					7-11, C32			31/10/2016	25/12/2016	SPMT			2016
19	1040002				0	Dương Thanh Long							7-11, lop riêng	22/12/2016	30/12/2016				2016
	1080032	Tổ chức sự kiện	CLM2033	4	150												7_QLVH_M4		
01	1080032				75	Lương Thị Giang	1-5, E501							15/08/2016	06/11/2016				2013
02	1080032				75	Lương Thị Giang	7-11, E501							15/08/2016	06/11/2016				2013
	1080075	Trang trí chuyên ngành 2	FAD2023	2	152														
01	1080075				19	Vũ Thanh Nghị	1-5, C401	1-5, C401						10/10/2016	20/11/2016				2014
03	1080075				19	Hoàng Thắng	1-5, C403	1-5, C403						10/10/2016	20/11/2016				2014
04	1080075				19	Lê Thị Lan	7-11, C401	7-11, C401						10/10/2016	20/11/2016				2014
05	1080075				19	Trần Thị Liên	7-11, C402	7-11, C402						10/10/2016	20/11/2016				2014
07	1080075				19	Hoàng Thắng				1-5, C401	1-5, C401			10/10/2016	20/11/2016				2014
08	1080075				19	Tô Kim Nhung				1-5, C403	1-5, C403			10/10/2016	20/11/2016				2014
09	1080075				19	Hoàng Thắng				7-11, C401	7-11, C401			10/10/2016	20/11/2016				2014
10	1080075				19	Tô Kim Nhung				7-11, C403	7-11, C403			10/10/2016	20/11/2016				2014
	1110024	Trang trí cơ bản 1	BFA2017	2	144												1* MTCS_K1_TK TT		
01	1110024				16	Trần Thị Vân				1-5, C22	1-5, C22	1-5, C22		05/09/2016	30/10/2016	K11+MN			2016
02	1110024				16	Ngô Thị Thu Hà				1-5, C22	1-5, C22	1-5, C22		05/09/2016	30/10/2016	K11+MN			2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
03	1110024				16	Ngô Thị Thu Hà				1-5, C105	1-5, C105	1-5, C105		05/09/2016	30/10/2016	K11+MN			2016
05	1110024				16	Nguyễn Thành Việt	1-5, C107	1-5, C107	1-5, C107					31/10/2016	25/12/2016	K10TKT T			2016
06	1110024				16	Nguyễn Thành Việt	1-5, C107	1-5, C107	1-5, C107					31/10/2016	25/12/2016	K10TKT T			2016
07	1110024				16	Nguyễn Thị Trang Ngà	1-5, C105	1-5, C105	1-5, C105					31/10/2016	25/12/2016	K10TKT T			2016
11	1110024				16	Nguyễn Thị Trang Ngà				7-11, C105	7-11, C105	7-11, C105		31/10/2016	25/12/2016	K10TKT T			2016
12	1110024				16	Lê Mai Trinh				7-11, C105	7-11, C105	7-11, C105		31/10/2016	25/12/2016	K10TKT T			2016
13	1110024				16	Lê Mai Trinh				7-11, C22	7-11, C22	7-11, C22		31/10/2016	25/12/2016	K10TKT T			2016
	1060040	Trang trí ứng dụng 1	FAE2004	2	54												3* FAE2004		
01	1060040				13	Nguyễn Huy Trung				1-5, B201	1-5, B201	1-5, B201		22/08/2016	09/10/2016	K10			2015
02	1060040				13	Nguyễn Quang Huy				1-5, B202	1-5, B202	1-5, B202		22/08/2016	09/10/2016	K10			2015
03	1060040				13	Tạ Đình Thi				1-5, B205	1-5, B205	1-5, B205		22/08/2016	09/10/2016	K10			2015
04	1060040				15	Nguyễn Thị Huyền				1-5, C107	1-5, C107	1-5, C107		22/08/2016	09/10/2016	K2 MN			2015
	1090001	Trang trí ứng dụng 1	FAE2004	2													FAE2004		
02	1090001				0	.								01/06/2016	30/07/2016	Yen bai			2015
	1090012	Trang trí ứng dụng 2	FAE2005	2													FAE2005		
01	1090012				0	.								24/02/2017	05/03/2017	VD MT			2015
02	1090012				0														2015
	1130003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL2003	2	700												3* 3_mon_chung_M1		
01	1130003				70	Bạch Thị Lan Anh	1-5, E301							15/08/2016	09/10/2016				2015
02	1130003				70	Mai Thanh Hồng		1-5, E301						15/08/2016	09/10/2016				2015
03	1130003				70	Phạm Ngọc Anh		7-11, E301						15/08/2016	09/10/2016				2015
04	1130003				70	Mai Thanh Hồng			1-5, E301					15/08/2016	09/10/2016				2015
05	1130003				70	Phạm Ngọc Anh			7-11, E301					15/08/2016	09/10/2016				2015
06	1130003				70	Mai Thanh Hồng				1-5, E301				15/08/2016	09/10/2016				2015
07	1130003				70	Phạm Ngọc Anh					1-5, E301			15/08/2016	09/10/2016				2015
08	1130003				70	Phạm Ngọc Anh					7-11, E301			15/08/2016	09/10/2016				2015
09	1130003				70	Bạch Thị Lan Anh						1-5, E301		10/10/2016	04/12/2016				2015
10	1130003				70	Bạch Thị Lan Anh						7-11, E301		10/10/2016	04/12/2016				2015
	1090050	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL2003	2													POL2003		
01	1090050				0	.								09/12/2016	11/12/2016	Van Dinh			2015
	1040016	Ứng dụng tin học trong GDMN	INF2002	2	30												2*		
01	1040016				30	Lê Mạnh Hùng		7-11, C32						15/08/2016					2014
	1080019	Văn hóa dân gian Việt Nam	CLM2016	2													4_QLVH_M3_TC		
06	1080019				0	Tráng Thị Thuý							7-11, L.rieng			Lop rieng			2013
	1090090	Văn hóa dân gian Việt Nam	CLM2016	2													CLM2016		
01	1090090				0	.										QLVH BACKAN			2016
	1090084	Văn hóa học đại cương	CLM2003	2													CLM2003		
01	1090084				0	.										QLVH BACKAN			2016
	1140027	Văn học dân gian	PPE2017	2	30												1*		
01	1140027				30	Hà Thị Thu Hà			7-11, E605					15/08/2016	25/09/2016				2014
	1140022	Văn học trẻ em	PPE2018	2													1*		
01	1140022				0	Hà Thị Thu Hà	7-11, E401							05/09/2016					2016

Nhóm	Mã HP	Tên học phần	Viết tắt	Số TC	Sĩ số	Giảng viên	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ Nhật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ghi chú	Ghi chú học phần	Lớp SH	Khóa học
	1080066	Xã hội học văn hóa	CLM2092	2													2020		
01	1080066				0	Nguyễn Thị Trà Vinh					7-11, E501			05/09/2016	18/12/2016				2016
	1080033	Xã hội học văn hóa	CLM2034	4													3_QLVH_M4		
01	1080033				0	Nguyễn Duy Hùng							7-11, L.rieng			Lop rieng			2013
	1080059	Xã hội học văn hóa	CLM2034	3	40												CLM2034_2014		
01	1080059				40			1-5, E403						15/08/2016	06/11/2016				2015
	1080036	Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở	CLM2037	2	150												7_QLVH_M4		
01	1080036				75						7-11, E405			15/08/2016	23/10/2016				2013
02	1080036				75							7-11, E405		15/08/2016	23/10/2016				2013

Người lập